

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GELEX
GELEX GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 53 /2026/GELEX-CBTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Hanoi, January 30, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- The Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX

Name of organization: GELEX Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán / Stock code: GEX

- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

- E-mail: gelex@gelex.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX) trân trọng công bố: Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.

GELEX Group Joint Stock Company respectfully disclosure information: The Report on corporate governance of 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn: <https://gelex.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin-2>

This information was published on the company's website on January 30, 2026, as in the link: <https://gelex.vn/en/document-cat/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố



We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 / The Report on corporate governance of 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX
GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



Lê Tuấn Anh

Le Tuan Anh



TẬP ĐOÀN GELEX

GELEX GROUP

GELEX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom - Happiness

Số/No: **07** /2026/GELEX-BC

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Hanoi, January 30th, 2026

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Năm 2025) / (Year 2025)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;
- The Hochiminh Stock Exchange.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX (“GELEX”)**

*Name of company: **GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY (“GELEX”)***

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Address of head office: No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi.

- Điện thoại/Telephone: 024 39726245/6 Fax: 024 39726282 Email: gelex@gelex.vn

- Vốn điều lệ: 9.023.989.480.000 đồng tại thời điểm 31/12/2025.

Charter capital: 9.023.989.480.000 VND at 31/12/2025.

- Mã chứng khoán/Stock symbol: GEX

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”), Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) (có Ủy ban kiểm toán (“**UBKT**”) trực thuộc HĐQT), Tổng Giám đốc.

*Governance model: General Meeting of Shareholders (“**GMS**”), Board of Directors (“**BOD**”) (Audit Committee under the Board of Directors), General Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings and Resolutions/Decisions of the GMS (including the Resolutions of the GMS approved in the form of written voting):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	02/2025/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ	27/03/2025 (họp ĐHĐCĐ thường niên/ Annual GMS)	- Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế bầu cử, Quy chế làm việc của Đại hội/ <i>Approval of the List of Vote Counting Committee, the Meeting Agenda, the Election Regulations and the Working Regulations of the Annual GMS;</i> - Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các Báo cáo sau/ <i>Approval and ratification the full content of the following reports:</i> • Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2025/ <i>Report on business operations in 2024 and business plan in 2025;</i> • Báo cáo hoạt động của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025/ <i>Report of the BOD on the result of operation in 2024 and the 2025 strategic direction;</i> • Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT/ <i>Report on the activities of the Independent BOD Member within the Audit Committee.</i> - Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2024 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán) và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021 đến ngày 16/01/2025 đã được kiểm toán/ <i>Approval of the 2024 audited Financial Statements (including the 2024 audited Separate Financial Statements and the 2024 audited Consolidated Financial Statements) and the audited Report on the use of offering shares to existing shareholders in 2021 up to 16/01/2025;</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty/ <i>Approval of the profit distribution plan for the year 2024;</i> - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2025/ <i>Approval of the key performance indicators for the year 2025;</i> - Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và nội dung khác liên quan/ <i>Approval of the selection of an independent auditing firm for the financial year 2025 and other related matters;</i> - Thông qua việc bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty/ <i>Approval of the addition of several new business lines of the Company;</i> - Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024/ <i>Approval of the Plan for the issuance of shares to pay dividends for the year 2024;</i> - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tuấn do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026/ <i>Approval of the dismissal of Mr. Nguyen Van Tuan as a member of the BOD due to the resignation letter and the election of additional member to the BOD for the term 2021–2026.</i>

II. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị/ Information about the members of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' Members</i>	Chức vụ (<i>thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành</i>) <i>Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc <i>Member of the Board of Directors cum General Director</i>	16/07/2016	27/03/2025
2	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập) <i>Chairman of the Board of Directors (Independent member of the Board of Directors)</i>	18/06/2020	
3	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên UBKT (Thành viên HĐQT không điều hành) <i>Vice Chairman of the Board of Directors, Member of the Audit Committee (Non-executive member of the Board of Directors)</i>	18/06/2020	
4	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT <i>Independent member of the Board of Directors, Chairman of the Audit Committee</i>	18/06/2021	

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' Members</i>	Chức vụ (<i>thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành</i>) <i>Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
5	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i> (*)	12/05/2022 (*) Ông Lê Bá Thọ đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2024 <i>Mr. Le Ba Tho became Vice Chairman of the Board of Directors from 01/01/2024</i>	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent member of the Board of Directors</i>	27/03/2025	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị/ *Meetings of the Board of Directors:*

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' Members</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	1/1	100%	

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' Members</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
2	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	5/5	100%	
3	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	5/5	100%	
4	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	5/5	100%	
5	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>	5/5	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>	4/4	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám Đốc (“BTGD”) và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của BTGD.

The BOD has supervised the Board of Management (“BOM”) and managers in the following areas: implementation of the Resolutions of the GMS; execution of the BOD’s Resolutions and Decisions; management of the GELEX Group’s business activities; ensuring compliance with legal regulations and adherence to the GELEX Group’s Charter without affecting the proactivity and creativity of the BOM.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors’ subcommittees:*

Ủy ban kiểm toán/ *Audit Committee:*

Trong năm 2025, UBKT đã giám sát, chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các công việc được giao theo kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 được phê duyệt theo Nghị quyết số 43/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 20/12/2024. Hoạt động cụ thể của UBKT được nêu tại Mục III của Báo cáo này.

In the year of 2025, the Audit Committee supervised and directed the Internal Audit Department in performing assigned tasks according to the 2025 Internal Audit plan approved under Resolution No. 43/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 20/12/2024. The specific activities of the Audit Committee are outlined in Section III of this Report.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

Vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm/ Please see the Annex 1 attached

III. Ủy ban Kiểm toán/ Audit Committee

1. Thông tin về thành viên UBKT/ Information about members of Audit Committee:

GELEX đã bổ nhiệm các nhân sự UBKT phù hợp với quy định pháp luật/ GELEX has appointed members to the Audit Committee in accordance with legal regulations.

STT No.	Thành viên UBKT <i>Members of Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Audit Committee</i>		Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>	
1	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	Chủ tịch UBKT <i>Chairman of the Audit Committee</i>	18/06/2021		Thạc sỹ Tài chính ngân hàng <i>Master of Banking and Finance</i>
2	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	Thành viên UBKT <i>Member of the Audit Committee</i>	26/04/2023		Kỹ sư Kinh tế xây dựng <i>Construction Economics Engineer</i>

2. Cuộc họp của UBKT/ *Meetings of Audit Committee:*

STT <i>No.</i>	Thành viên UBKT <i>Members of Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>	2	100%	100%	
2	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	2	100%	100%	

Các cuộc họp UBKT được diễn ra theo đúng quy định tại Quy chế hoạt động UBKT đã ban hành/ *The Audit Committee meetings are conducted in accordance with the regulations outlined in the issued Audit Committee's Operating Charter.*

3. Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Audit Committee:*

Về hoạt động của UBKT: Hoạt động của UBKT tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Tập đoàn. Một số hoạt động trọng tâm của UBKT trong năm qua như sau:

Regarding the activities of the Audit Committee: The activities of the Audit Committee complied with the Operating Charter that has been issued, relevant legal regulations, and international best practices, while aligning with the needs and current operational situation of the Group. Some key activities of the Audit Committee over the past year as following:

- Rà soát các giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ được thực hiện tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với các quy định nội bộ của GELEX/ *Reviewing related-party transactions under the approval authority of the BOD or the GMS are conducted in compliance with legal regulations and in accordance with GELEX's internal regulations;*
- Giám sát tính trung thực của Báo cáo tài chính, nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính được công bố định kỳ của GELEX/ *Monitoring the accuracy of financial statements and enhancing the quality of GELEX's periodic financial reports;*
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong năm 2025 theo Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 43/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 20/12/2024/ *Directing and overseeing the activities of the Internal Audit Department during the year of 2025 in line with the 2025 Internal Audit Plan, approved by the BOD in Resolution No. 43/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 20/12/2024;*

- Góp ý tư vấn cho Ban Kiểm toán nội bộ về các vấn đề chuyên môn khác/ *Providing advisory feedback to the Internal Audit Department on other professional issues;*
- Đề xuất công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao kiểm toán độc lập để HĐQT thông qua/ *Proposing the independent audit firm and audit fees for BOD approval.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Audit Committee, the Board of Directors, the Board of Management and other managers:*

UBKT đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BTGD và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của UBKT. UBKT được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận khác có liên quan đến của công việc UBKT.

The Audit Committee has closely coordinated with the BOD, the BOM, and functional departments in inspection and supervision activities, while maintaining its independence in fulfilling its duties and responsibilities. The Audit Committee is provided with all necessary documents, records, and meeting minutes from the BOD and other relevant departments related to the Audit Committee's work.

5. Hoạt động khác của Ủy ban kiểm toán (nếu có)/ *Other activities of the Audit Committee (if any):*
Không/None.

IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>	06/03/1984	Cử nhân Luật Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng <i>Bachelor of Economic Law, Bachelor of Banking and Finance</i>	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016/ <i>Appointed on 06/09/2016</i>
2	Ông Nguyễn Hoàng Long <i>Mr. Nguyen Hoang Long</i>	29/01/1977	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế và Tài chính – Đại học Queensland, Úc <i>Master of International Economics and Finance –</i>	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024/ <i>Appointed on 01/01/2024</i>

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management</i>
			<i>University of Queensland, Australia</i>	
3	Ông Nguyễn Trọng Trung <i>Mr. Nguyen Trong Trung</i>	13/08/1982	Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội <i>Bachelor of Business Administration – Foreign Trade University, Hanoi</i>	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024/ <i>Appointed on 01/01/2024</i>
4	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>	18/12/1994	Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân <i>Bachelor of Accounting – National Economics University</i>	Bổ nhiệm ngày 23/05/2024/ <i>Appointed on 23/05/2024</i>
5	Ông Bùi Đăng Khoa <i>Mr. Bui Dang Khoa</i>	26/12/1984	Cử nhân Kinh tế quốc tế – Đại học Ngoại thương Hà Nội <i>Bachelor of International Economics – Foreign Trade University, Hanoi</i>	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024/ <i>Appointed on 10/04/2024</i>
6	Ông Hoàng Hưng <i>Mr. Hoang Hung</i>	09/09/1983	Cử nhân Kế toán Tài chính – Đại học Thương Mại <i>Bachelor of Financial Accounting – University of Commerce</i>	Bổ nhiệm ngày 05/01/2022/ <i>Appointed on 05/01/2022</i>

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày/tháng/năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Ông Hoàng Hưng <i>Mr. Hoang Hung</i>	09/09/1983	Cử nhân Kế toán Tài chính – Đại học Thương Mại <i>Bachelor of Financial Accounting – University of Commerce</i>	Bổ nhiệm ngày 05/01/2022/ <i>Appointed on 05/01/2022</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý, CBNV công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty, gồm: / *Training courses on corporate governance were involved by members of BOD, the Audit Committee, General Director, other managers and employees in accordance with regulations on corporate governance:*

- Ngày 06/01/2025: Khóa học “Lãnh đạo và phát triển nhân sự”;
06/01/2025: Course “Leadership and Human Resource Development”;
- Ngày 10/01/2025: Hội thảo “Quản trị rủi ro khi tham gia thị trường quốc tế”;
10/01/2025: Seminar “Risk Management in Participating in International Markets”;
- Ngày 13/01/2025: Hội thảo “Chiến lược giá nhằm tạo lợi nhuận và tăng trưởng”;
13/01/2025: Seminar “Pricing Strategy for Profitability and Growth”;
- Ngày 18/02/2025: Hội nghị “Xã hội và giải pháp chuyển đổi bền vững”;
18/02/2025: Conference “Society and Sustainable Transformation Solutions”;
- Từ tháng 02/2025 đến tháng 04/2025: Khóa học “Global Mini MBA – Tư duy quản trị”;
From 02/2025 to 04/2025: Course “Global Mini MBA - Management Thinking”;
- Ngày 12/03/2025: Hội nghị “International AI-Semiconductor Conference (AISC)”;
12/03/2025: International AI-Semiconductor Conference (AISC);
- Ngày 14/06/2025: Hội thảo “Quản trị bằng văn hóa”;
14/06/2025: Seminar “Management by Culture”;
- Tháng 06/2025: Khóa học “COSO Enterprise Risk Management Certificate Program”;
06/2025: Course “COSO Enterprise Risk Management Certificate Program”;
- Từ tháng 07/2025 đến tháng 12/2025: Chuỗi 04 chương trình Workshop Quản trị văn hóa doanh nghiệp;
From 07/2025 to 12/2025: Corporate Culture Management Workshop Series (4 Sessions);
- Từ ngày 03/07/2025 đến ngày 04/07/2025: Hội thảo “Nâng tầm tư duy lãnh đạo”;
03-04/07/2025: Seminar “Elevating Leadership Mindset”;
- Từ tháng 08/2025 đến tháng 10/2025: Khóa học “Nhà Lãnh đạo tài năng GELEX 2025”;
From 08/2025 to 10/2025: Course “GELEX Talent Leaders”;

- Ngày 08/08/2025: Khóa học “Quản trị công ty”;
08/08/2025: Course “Corporate Governance”;
- Ngày 10/10/2025: Diễn đàn “Chuyển hóa lãnh đạo và tổ chức”;
10/10/2025: Forum “Leadership and Organizational Transformation”;
- Từ ngày 11/11/2025 đến ngày 12/11/2025: Khóa học “Chương trình Chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán (ACMP)”;
11-12/11/2025: Course “Audit Committee Master Program (ACMP)”;
- Ngày 02/12/2025: Hội thảo “Quản trị công ty 2025: Từ tuân thủ đến năng lực cạnh tranh cốt lõi”;
02/12/2025: Seminar “Corporate Governance 2025: From Compliance to Core Competitive Advantage”;
- Từ ngày 04/12/2025 đến ngày 12/12/2025: Khóa học “Dẫn dắt và xây dựng văn hóa đổi mới”;
04-12/12/2025: Course “Leading and Building a Culture of Innovation”;
- Ngày 05/12/2025: Diễn đàn “Hội đồng quản trị bút phá: Vươn tầm khu vực, định vị niềm tin và danh tiếng trên thị trường vốn”;
05/12/2025: Forum “Breakthrough Boards: Beyond Governance, Positioning Trust and Elevating Reputation in Capital Market”;
- Ngày 11/12/2025: Hội thảo đào tạo “Nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)”;
11/12/2025: Training Seminar “Enhancing Awareness of the Corporate Governance Scorecard (ACGS)”;
- Từ ngày 14/12/2025 đến ngày 22/12/2025: Khóa học “Xây dựng và duy trì lợi thế cạnh tranh”.
14-22/12/2025: Course “Building and Sustaining Competitive Advantage”.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company*
Vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm/ *Please see the Annex 2 attached*
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*
Vui lòng xem Phụ lục 3 đính kèm/ *Please see the Annex 3 attached*
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company’s subsidiaries in which the Company takes controlling power*
Vui lòng xem Phụ lục 4 đính kèm/ *Please see the Annex 4 attached*
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*
 - 4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of BOD, the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers have been founding members or members of BOD, or Director (General Director) in three (03) latest years (as of the report date).*

Vui lòng xem Phụ lục 5 đính kèm/ Please see the Annex 5 attached

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of BOD, Director (General Director or CEO): Không có/ None*

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of BOD, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/ None*

VIII Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*

Vui lòng xem Phụ lục 6 đính kèm/ Please see the Annex 6 attached

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
1	Nguyễn Trọng Hiền Nguyen Trong Hien	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)/ Chairman of the Board of Directors (Independent member of the Board of Directors)	2.544.000	0,3%	2.671.200	0,3%	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ Share dividend distribution for shareholders (*)
2	Lê Bá Thọ Le Ba Tho	Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the BOD	800.000	0,09%	840.000	0,09%	
3	Lương Thanh Tùng Luong Thanh Tung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên UBKT/ Vice Chairman of the BOD cum Member of the Audit Committee	2.544.000	0,3%	2.671.200	0,3%	
4	Nguyễn Văn Tuấn Nguyen Van Tuan	Tổng Giám đốc/ General Director	203.075.993	23,63%	213.229.792	23,63%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
5	Đậu Minh Lâm Dau Minh Lam	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT/ Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee	800.000	0,09%	840.000	0,09%	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ Share dividend distribution for shareholders (*)
6	Nguyễn Hoàng Long Nguyen Hoang Long	Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director	231.000	0,027%	242.550	0,027%	
7	Lê Tuấn Anh Le Tuan Anh	Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director	273.000	0,032%	286.650	0,032%	
8	Bùi Đăng Khoa Bui Dang Khoa	Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Director of the Finance and Accounting Department	105.010	0,01222%	110.260	0,012%	
9	Nguyễn Thị Phương Nguyen Thi Phuong	Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (**)	137.600	0,016%	144.480	0,016%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
10	Lê Việt Hà Le Viet Ha	Người phụ trách quản trị công ty/ Corporate Governance Officer (***)	105.000	0,012%	110.250	0,012%	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ Share dividend distribution for shareholders (*)
11	Lương Hồng Nhung Luong Hong Nhung	Người liên quan của ông Lương Thanh Tùng - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên UBKT/ Affiliated person of Mr. Luong Thanh Tung - Vice Chairman of the BOD cum Member of the Audit Committee	1.000	0,00%	1.050	0.00%	
12	Nguyễn Trọng Thắng Nguyen Trong Thang	Người liên quan của ông Nguyễn Trọng Trung – Phó Tổng Giám đốc/ Affiliated person of Mr. Nguyen Trong Trung – Deputy General Director	175.008	0,02%	183.758	0,02%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	
13	Đặng Hồng Khánh <i>Dang Hong Khanh</i>	Người liên quan của bà Nguyễn Thị Phương - Người được ủy quyền Công bố thông tin/ <i>Affiliated person of Ms. Nguyen Thi Phuong - Authorized Information Disclosure Officer (**)</i>	4.000	0,0005%	4.200	0,0005%	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ <i>Share dividend distribution for shareholders (*)</i>
14	Đoàn Thị Hoài Thu <i>Doan Thi Hoai Thu</i>	Người liên quan của ông Bùi Đăng Khoa - Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ <i>Affiliated person of Mr. Bui Dang Khoa - Director of the Finance and Accounting Department</i>	5.700	0,00%	8.505	0,00%	
15	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX <i>Trade Union of GELEX Group JSC.</i>	Công đoàn/ <i>Trade Union</i>	1.226.885	0,14%	1.288.229	0,14%	

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	
16	Đào Thị Lơ <i>Dao Thi Lo</i>	Người liên quan của ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc/ <i>Affiliated person of Mr. Nguyen Van Tuan – General Director</i>	26.159.999	3,07%	39.467.998	4,374%	Cổ tức bằng cổ phiếu và mua cổ phiếu (từ 19/10/2025 đến 26/10/2025)/ <i>Stock dividend and share purchase (from 19/10/2025 to 26/10/2025)</i>

STT / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Chức vụ tại Công ty/ Quan hệ với người nội bộ Position at the Company/ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	
17	Hoàng Hưng Hoang Hung	Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	34.000	0,00396%	56.000	0,006%	Cổ tức bằng cổ phiếu và mua cổ phiếu (giá trị giao dịch từng lần không đạt ngưỡng giá trị phải công bố thông tin và báo cáo thực hiện trong ngày hoặc trong từng tháng)/ <i>Stock dividend and share purchase (the value of each individual transaction does not reach the threshold that triggers information disclosure nor same-day or monthly reporting requirements)</i>

(*) Các giao dịch phát sinh dẫn đến thay đổi (tăng) số lượng cổ phiếu nắm giữ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ nêu trên do được hưởng cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 của Công ty/ *The transactions arising leading to changes (increases) in the number of shares held by internal person and internal person's affiliated person above due to receiving shares from the Company's 2024 dividend distribution for shareholders.*

(**) Bà Nguyễn Thị Phương không còn là Người được ủy quyền Công bố thông tin kể từ ngày 07/07/2025/ *Ms. Nguyen Thi Phuong is no longer the Authorized Information Disclosure Officer from 07/07/2025.*

(***) Bà Lê Việt Hà không còn là Người phụ trách quản trị công ty kể từ ngày 14/11/2025/ *Ms. Le Viet Ha is no longer the Corporate Governance Officer from 14/11/2025.*

IX Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không/ None

CHỦ TỊCH HĐQT

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Nguyễn Trọng Hiền

Nguyen Trong Hien

PHỤ LỤC 1/ ANNEX I

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2025/GELEX/NQ-HĐQT	09/01/2025	Thông qua Chương trình/Kế hoạch hoạt động của HĐQT 2025 <i>Approval of the 2025 action program/plan of the BOD.</i>	100%
2	02/2025/GELEX/NQ-HĐQT	23/01/2025	Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 <i>Plan for organizing 2025 Annual GMS</i>	100%
3	03/2025/GELEX/NQ-HĐQT	12/02/2025	Lựa chọn đơn vị tư vấn chiến lược chuyển đổi số cho Tập đoàn GELEX và các công ty thành viên trong Hệ thống GELEX <i>Selection of a consulting firm for the digital transformation strategy for GELEX Group and its member companies within the GELEX System</i>	100%
4	04/2025/GELEX/NQ-HĐQT	18/02/2025	Phương án chuyển nhượng 1 phần số lượng cổ phần tại doanh nghiệp mà Tập đoàn GELEX đang nắm giữ <i>Proposal for partial transfer of the shares held by GELEX Group's in the enterprises</i> (*)	100%
5	05/2025/GELEX/NQ-HĐQT	03/03/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 03/2025/ĐDV- VBXYK ngày 27/02/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Điện lực GELEX	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 03/2025/ĐDV-VBXYK dated 27/02/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	
6	06/2025/GELEX/NQ-HĐQT	03/03/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 02/2025/ĐDV- VBXYK ngày 28/02/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 02/2025/ĐDV-VBXYK dated 28/02/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
7	07/2025/GELEX/NQ-HĐQT	05/03/2025	Duyệt chương trình và nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 <i>Approval of the agenda and content of materials for the 2025 Annual GMS</i>	100%
8	08/2025/GELEX/NQ-HĐQT	14/03/2025	Phê duyệt Báo cáo danh sách ứng viên đề bầu bổ sung thành viên HĐQT GELEX nhiệm kỳ 2021-2026 <i>Approval of the Candidate List Report for election of additional members to the GELEX BOD for the term 2021–2026</i>	100%
9	09/2025/GELEX/NQ-HĐQT	17/03/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 05/2025/ĐDV- VBXYK ngày 10/03/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 05/2025/ĐDV-VBXYK dated 10/03/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
10	10/2025/GELEX/NQ-HĐQT	19/03/2025	Thông qua phương án góp thêm vốn điều lệ vào Công ty TNHH Titan Corporation (“Titan Corp”) làm cơ sở để Titan Corp góp thêm vốn điều lệ vào Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Hưng Yên) <i>Approval of the plan to contribute additional charter capital to Titan Corporation Ltd. as a basis for Corporation Ltd. to contribute additional capital to Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.</i>	100%
11	11/2025/GELEX/NQ-HĐQT	26/03/2025	Chủ trương thực hiện Dự án Kết nối GELEX – Kết nối giữa Doanh nghiệp và Nhà trường <i>Policy for implementing the GELEX Connection Project – Connecting Enterprises and Universities</i>	100%
12	12/2025/GELEX/NQ-HĐQT	26/03/2025	Điều chỉnh kế hoạch ngân sách năm 2025 của Tập đoàn GELEX <i>Adjustment of the 2025 budget plan for GELEX Group</i>	100%
13	13/2025/GELEX/NQ-HĐQT	11/04/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT của Tập đoàn GELEX <i>Assignment of duties to members of GELEX's BOD</i>	100%
14	14/2025/GELEX/NQ-HĐQT	15/04/2025	Triển khai phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 <i>Implementation of the plan to issue shares for 2024 dividend payment</i>	100%
15	15/2025/GELEX/NQ-HĐQT	15/04/2025	Triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Implementation of the plan to pay 2024 dividends in cash	
16	16/2025/GELEX/NQ-HĐQT	18/04/2025	Chi Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành Disbursement of the Bonus Fund to the BOD and the BOM	100%
17	17/2025/GELEX/NQ-HĐQT	25/04/2025	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu Finalization of the list of shareholders eligible to receive 2024 dividends in shares	100%
18	18/2025/GELEX/NQ-HĐQT	28/04/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 12/2025/ĐDV- VBXYK ngày 28/04/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Điện lực GELEX Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 12/2025/ĐDV-VBXYK dated 28/04/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.	100%
19	19/2025/GELEX/NQ-HĐQT	07/05/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 13/2025/ĐDV- VBXYK ngày 05/05/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Điện lực GELEX Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 13/2025/ĐDV-VBXYK dated 05/05/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.	100%
20	20/2025/GELEX/NQ-HĐQT	19/05/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 15/2025/ĐDV- VBXYK ngày 14/05/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Điện lực GELEX	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 15/2025/ĐDV-VBXYK dated 14/05/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	
21	21/2025/GELEX/NQ-HĐQT	22/05/2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 <i>Approval of the results of share issuance for 2024 dividend payment</i>	100%
22	22/2025/GELEX/NQ-HĐQT	23/05/2025	Thông qua việc nhận cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng <i>Approval of the credit limit agreement with the bank</i>	100%
23	23/2025/GELEX/NQ-HĐQT	28/05/2025	Sửa đổi Điều lệ của Tập đoàn GELEX <i>Amendment of the Charter of GELEX</i>	100%
24	24/2025/GELEX/NQ-HĐQT	28/05/2025	Thông qua việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ công ty <i>Approval of the registration for changes in Enterprise Registration information resulting from the change in Company's charter capital</i>	100%
25	25/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/05/2025	Chấp nhận lựa chọn Deloitte Việt Nam tiếp tục là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và một số nội dung liên quan <i>Approval on the selection of Deloitte Vietnam Co., Ltd. to continue as the independent audit firm for the 2025 fiscal year and some related matters</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
26	26/2025/GELEX/NQ-HĐQT	10/06/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 18/2025/ĐDV- VBXYK ngày 06/06/2025 của những người đại diện vốn của GELEX tại Điện lực GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 18/2025/ĐDV-VBXYK dated 06/06/2025 from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	100%
27	27/2025/GELEX/NQ-HĐQT	16/06/2025	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục danh sách Hợp đồng/Giao dịch với người có liên quan kèm theo Nghị quyết số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT <i>Amendment and supplementation of the Appendix List of Contracts/Transactions with Related Parties attached to Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT</i>	100%
28	28/2025/GELEX/NQ-HĐQT	18/06/2025	Phê duyệt phương án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư của Dự án bất động sản <i>Approval of the plan to adjust the capital structure of the real estate project</i>	100%
29	29/2025/GELEX/NQ-HĐQT	18/06/2025	Phê duyệt phương án điều chỉnh nhận cấp tín dụng tài trợ Dự án bất động sản với Ngân hàng <i>Approval of the plan to revise the credit funding structure for the real estate project with the bank</i>	100%
30	30/2025/GELEX/NQ-HĐQT	03/07/2025	Thành lập Công ty TNHH Đầu tư GELEX <i>Establishment of GELEX Investment Co., Ltd.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
31	31/2025/GELEX/NQ-HĐQT	17/07/2025	Thành lập chi nhánh Hai Bà Trưng kèm Quy chế tổ chức và hoạt động <i>Establishment of Hai Ba Trung Branch together with its Organizational and Operational Regulations</i>	100%
32	32/2025/GELEX/NQ-HĐQT	17/07/2025	Thành lập chi nhánh Hoàn Kiếm kèm Quy chế tổ chức và hoạt động <i>Establishment of Hoan Kiem Branch together with its Organizational and Operational Regulations</i>	100%
33	33/2025/GELEX/NQ-HĐQT	21/07/2025	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Danh sách Hợp đồng/Giao dịch với người có liên quan đính kèm theo Nghị quyết HĐQT số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT và các Nghị quyết sửa đổi bổ sung <i>Amendment and supplementation of the Appendix on the List of Contracts/Transactions with Related Parties attached to the BOD' Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT and subsequent amending and supplementing resolutions</i>	100%
34	34/2025/GELEX/NQ-HĐQT	21/07/2025	Chấm dứt các địa điểm kinh doanh: Địa điểm kinh doanh số 1 và địa điểm kinh doanh Khách sạn Bình Minh <i>Termination of business locations: Business Location No. 1 and Binh Minh Hotel Business Location</i>	100%
35	35/2025/GELEX/NQ-HĐQT	21/07/2025	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Khách sạn Bình Minh Hạ Long <i>Termination of operations of Binh Minh Hotel Ha Long Branch</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
36	36/2025/GELEX/NQ-HĐQT	25/07/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 24/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn tại Điện lực GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 24/2025/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	100%
37	37/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/07/2025	Thông qua phương án Công ty TNHH Đầu tư GELEX nhận chuyển nhượng cổ phần <i>Approval of the plan for GELEX Investment Co., Ltd. to receive transferred shares</i>	100%
38	38/2025/GELEX/NQ-HĐQT	31/07/2025	Kế hoạch mua sắm tập trung vật tư, nguyên liệu chính phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2025 cho các công ty thành viên và các giao dịch phát sinh có liên quan <i>Plan for centralized procurement of materials and key raw materials to serve production and business activities in 2025 for member companies and related arising transactions</i>	100%
39	39/2025/GELEX/NQ-HĐQT	04/08/2025	Thay đổi mẫu dấu công ty <i>Change of the Company's seal specimen</i>	100%
40	40/2025/GELEX/NQ-HĐQT	06/08/2025	Thông qua phương án mở rộng và tái cấu trúc liên doanh hợp tác giữa GELEX và Công ty Frasers Property Limited, chủ trương chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX, và các nội dung liên quan khác	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Approval of the plan for expansion and restructuring of the joint venture cooperation between GELEX and Frasers Property Limited, the policy on public offering of shares of GELEX Infrastructure JSC., and other related matters</i>	
41	41/2025/GELEX/NQ-HĐQT	15/08/2025	Cho ý kiến với văn bản xin ý kiến số 26/2025/ĐDV- VBXYK của những người đại diện vốn của GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 26/2025/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
42	42/2025/GELEX/NQ-HĐQT	21/08/2025	Tạm ứng cổ tức 2025 bằng tiền <i>Cash advance payment of 2025 dividend</i>	100%
43	43/2025/GELEX/NQ-HĐQT	21/08/2025	Thông qua phương án Công ty TNHH Đầu tư GELEX góp vốn thành lập Công ty TNHH Felicitas và một số nội dung liên quan <i>Approval of the plan for GELEX Investment Co., Ltd. to contribute capital to establish Felicitas Co., Ltd. and related matters</i>	100%
44	44/2025/GELEX/NQ-HĐQT	22/09/2025	Phương án nhân sự thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX và cử đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Personnel plan for members of the BOD of GELEX Infrastructure JSC. and</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>appointment of capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	
45	45/2025/GELEX/NQ-HĐQT	09/10/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 33/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn của GELEX tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 33/2025/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
46	46/2025/GELEX/NQ-HĐQT	14/10/2025	Chấp thuận ký kết hợp đồng cho thuê diện tích sàn với EIB <i>Approval of the Lease Agreement for Floor Space with EIB</i>	100%
47	47/2025/GELEX/NQ-HĐQT	28/10/2025	Đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở hạ tầng với diện tích cho thuê thuộc KCN Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh <i>Investment in construction and expansion of infrastructure with leasable area in Dai Dong Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province</i>	100%
48	48/2025/GELEX/NQ-HĐQT	10/11/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực GELEX và Bổ nhiệm Phó giám đốc phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập đoàn GELEX <i>Appointment of a Deputy General Director of GELEX Electricity JSC. and appointment of a Deputy Director in charge of the Internal Audit Department of GELEX Group JSC.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
49	49/2025/GELEX/NQ-HĐQT	10/11/2025	Điều chỉnh địa chỉ đăng ký thành lập Chi nhánh Hoàn Kiếm – Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX <i>Adjustment of the registered establishment address of Hoan Kiem Branch – GELEX Group JSC.</i>	100%
50	50/2025/GELEX/NQ-HĐQT	14/11/2025	Miễn nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty đối với Bà Lê Việt Hà và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới <i>Dismissal of Ms. Le Viet Ha from the position of Corporate Governance Officer and appointment of a new Corporate Governance Officer</i>	100%
51	51/2025/GELEX/NQ-HĐQT	14/11/2025	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 01 và Phụ lục 02 của Quy chế Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX tại các doanh nghiệp <i>Amendment and supplementation of Appendix 01 and Appendix 02 under the Regulations on Capital Representatives of GELEX Group JSC. at enterprises</i>	100%
52	52/2025/GELEX/NQ-HĐQT	14/11/2025	Sửa đổi, bổ sung Hệ thống phân quyền của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX <i>Amendment and supplementation of the authorization system of the BOD of GELEX Group JSC.</i>	100%
53	53/2025/GELEX/NQ-HĐQT	12/12/2025	Chuyển nhượng một phần cổ phiếu tại Điện lực GELEX mà GELEX đang nắm giữ <i>Transfer of a portion of shares in</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>GELEX Electricity JSC. currently held by GELEX</i>	
54	54/2025/GELEX/NQ-HĐQT	16/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 43/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn của GELEX tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 43/2025/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
55	55/2025/GELEX/NQ-HĐQT	24/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 46/2025/ĐDV-VBXYK của những người đại diện vốn của GELEX tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Provide opinions on Document Requesting Opinion No. 46/2025/ĐDV-VBXYK from GELEX's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
56	56/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026 <i>Internal Audit Plan for 2026</i>	100%
57	57/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua hợp đồng/giao dịch với người có liên quan năm 2026 <i>Approval of contracts/transactions with related parties in 2026</i>	100%
58	58/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê duyệt Kế hoạch ngân sách hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và 2 Chi nhánh <i>Approval of the operating budget plan of GELEX Group JSC. and its two (02) branches</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
59	59/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê duyệt kế hoạch GELEX mua sắm tập trung vật tư, nguyên liệu chính phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2026 cho các CTTV và giao dịch phát sinh có liên quan <i>Approval of GELEX's plan for centralized procurement of materials and key raw materials to serve production and business activities in 2026 for member companies and related arising transactions</i>	100%
60	60/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê duyệt ngân sách tài trợ cho các hoạt động xã hội/cộng đồng của HĐQT GELEX trong Kế hoạch ngân sách năm 2026 <i>Approval of the sponsorship budget for social/community activities of the GELEX's BOD under the 2026 budget plan</i>	100%
61	61/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê duyệt mức chi thù lao HĐQT năm 2025 <i>Approval of 2025 BOD's remuneration</i>	100%
62	62/2025/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua chủ trương đầu tư và tham gia vào quá trình lựa chọn nhà đầu tư dự án <i>Approval of the investment policy and participation in the process of selecting project investors</i>	100%
63	01/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	03/03/2025	Cử người đại diện vốn của Tập đoàn GELEX tại Điện lực GELEX <i>Appointment of GELEX Group's capital representatives at GELEX Electricity JSC.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
64	02/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	03/03/2025	Cử người đại diện vốn của Tập đoàn GELEX tại Hạ tầng GELEX <i>Appointment of GELEX Group's capital representatives at GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
65	03-1/2025/GELEX/QĐ- HĐQT	03/07/2025	Cử người đại diện vốn của Tập đoàn GELEX tại Công ty TNHH Đầu tư GELEX <i>Appointment of GELEX Group's capital representative at GELEX Investment Co., Ltd.</i>	100%
66	03/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	06/08/2025	Thông qua giao dịch liên quan giữa GELEX và Hạ tầng GELEX về việc chuyển nhượng 49% vốn điều lệ Công ty TNHH Titan Corporation từ GELEX cho Hạ tầng GELEX <i>Approval of the related transaction between GELEX and GELEX Infrastructure regarding the transfer of 49% of the charter capital of Titan Corporation Co., Ltd. from GELEX to GELEX Infrastructure JSC.</i>	100%
67	04/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	15/08/2025	Phê duyệt khoản chi tài trợ thiết bị y tế và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các đơn vị y tế <i>Approval of expenditures for sponsorship of medical equipment and investment in upgrading facilities for medical units</i>	100%
68	04-1/2025/GELEX/QĐ- HĐQT	22/09/2025	Cử người đại diện vốn của Tập đoàn GELEX tại Hạ tầng GELEX	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Appointment of GELEX Group's capital representative at GELEX Infrastructure JSC.</i>	
69	05/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	30/09/2025	Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư <i>Approval of the adjustment to the implementation schedule of the investment project</i>	100%
70	06/2025/GELEX/QĐ-HĐQT	24/11/2025	Phê duyệt khoản chi tài trợ/Ủng hộ công tác cứu trợ cho đồng bào bị mưa lũ tại miền Trung và miền Nam <i>Approval of sponsorship/support expenditures for relief efforts for people affected by floods in Central and Southern Vietnam</i>	100%

(*) Phương án này không phát sinh giao dịch dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết, đồng thời không phải giao dịch với bên có liên quan và không phải giao dịch có giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Do đó Nghị quyết 04/2025/GELEX/NQ-HĐQT không thuộc diện công bố thông tin/ *This proposal does not result in any transactions that would cause that company to cease being a subsidiary or an affiliate, neither a transaction with related party nor a transaction with a value equal to or greater than 10% of the Company's total assets as stated in the audited 2024 financial statements. Therefore, Resolution No. 04/2025/GELEX/NQ-HDQT was not subject to disclosure information.*

PHỤ LỤC 2/ ANNEX 2

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
1.	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>		Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)/ <i>Chairman of the BOD (Independent member of the BOD)</i>					18/06/2020			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
2.	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>		Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên UBKT/ <i>Vice Chairman of the BOD, Member of the Audit Committee</i>					18/06/2020			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
3.	Ông Lê Bá Thọ <i>Mr. Le Ba Tho</i>		Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Vice Chairman of the BOD</i>					21/04/2022			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
4.	Ông Nguyễn Văn Tuấn <i>Mr. Nguyen Van Tuan</i>		TGD/ <i>General Director (*)</i>					16/07/2016			Người nội bộ của Công ty và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của GELEX/ <i>Internal person of the company and a shareholder owning over 10% of GELEX's shares</i> (*) Ông Nguyễn Văn Tuấn không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 27/03/2025/ <i>Mr. Nguyen Van Tuan is no longer Member of BOD from 27/03/2025</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
5.	Ông Đậu Minh Lâm <i>Mr. Dau Minh Lam</i>		Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT/ <i>Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee</i>					18/06/2021			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
6.	Bà Nguyễn Thị Minh Giang <i>Ms. Nguyen Thi Minh Giang</i>		Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independent Member of the BOD</i>					27/03/2025		Bổ nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2025/G ELEX/NQ -ĐHĐCĐ ngày 27/03/2025 /Appointed according to Resolution of the GMS No. 02/2025/G ELEX/NQ-	Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										DHDCĐ dated 27/03/2025	
7.	Ông Nguyễn Hoàng Long <i>Mr. Nguyen Hoang Long</i>		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>					01/01/2024			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
8.	Ông Nguyễn Trọng Trung <i>Mr. Nguyen Trong Trung</i>		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>					01/01/2024			Người nội bộ của Công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
9.	Bà Lê Việt Hà <i>Ms. Le Viet Ha</i>		Người phụ trách quản trị công ty/ <i>Corporate Governance Officer (*)</i>					26/04/2023	14/11/2025	Không còn là Người phụ trách quản trị công ty / <i>No longer the Corporate Governance Officer</i>	(*) Bà Lê Việt Hà không còn là Người nội bộ do không còn là Người phụ trách quản trị công ty từ ngày 14/11/2025/ <i>Ms. Le Viet Ha is no longer the Internal person of the Company</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											due to no longer the Corporate Governance Officer from 14/11/2025
10.	Bà Nguyễn Thị Phương <i>Ms. Nguyen Thi Phuong</i>		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ <i>Authorized Information Disclosure Officer (*)</i>					31/03/2021	07/07/2025	Không còn được ủy quyền Công bố thông tin / No longer authorized to disclose information	(*) Bà Nguyễn Thị Phương không còn là Người nội bộ do không còn là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ ngày 07/07/2025/ Ms. Nguyen Thi Phuong is no longer the Internal person of the Company due to no longer the Authorized Information Disclosure

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											Officer from 07/07/2025
11.	Ông Hoàng Hưng <i>Mr. Hoang Hung</i>		Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>					05/01/2022			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
12.	Ông Bùi Đăng Khoa <i>Mr. Bui Dang Khoa</i>		Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ <i>Director of the Finance and Accounting Department</i>					10/04/2024			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
13.	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i> Người được ủy quyền Công bố thông tin/ <i>Authorized Information</i>					23/05/2024			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i> (*) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
			Disclosure Officer (*)								07/07/2025/ Mr. Le Tuan Anh is appointed to be the Authorized Information Disclosure Officer from 07/07/2025
14.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền <i>Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen</i>		Người phụ trách quản trị công ty/ <i>Corporate Governance Officer (*)</i>					14/11/2025			Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company (*) Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền được bổ nhiệm là Người phụ trách quản trị công ty từ 14/11/2025/ <i>Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is appointed to be the Corporate</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
											Governance Officer from 14/11/2025
15.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ <i>GELEX Electricity JSC.</i>	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
16.	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam/ <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i>	003C300060 072C003003		0300381564	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
17.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi</i>	072C066888		0100100456	06/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi</i>	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/				Công ty con gián tiếp/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Electromechanical Manufacturing JSC.					Department of Finance	Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi				Indirect subsidiary
18.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ <i>Electrical Equipment JSC.</i>	005C222279 072C001210 021C253826		3600253826	04/01/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ <i>Department of Planning and Investment of Dong Nai Province</i>	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai/ <i>Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
19.	Công ty dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>			3600241669	14/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ <i>Dong Nai Provincial Department of Finance</i>	Đường D3-3, KCN Long Đức, Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ <i>D3-3 Street, Long Duc Industrial Park, Binh An Commune, Dong Nai Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
20.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.</i>			0108453005	27/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
21.	Công ty TNHH Phát điện GELEX/ <i>GELEX Power Generation Co., Ltd.</i>			0107919237	30/12/2022	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
22.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ <i>CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.</i>			3603058326	28/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ <i>Dong Nai Provincial Department of Finance</i>	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ <i>Street No. 1, Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune,</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Dong Nai Province				
23.	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.			2301270370	21/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ Bac Ninh Provincial Department of Finance	Lô D 1-3 Khu công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot D 1-3, Dai Dong Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
24.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC.	021C938833 026C093009		0106061404	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Hà Nội/ No. 69, Group 15, Phuc Thinh Commune, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
25.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ/			4000455251	29/05/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Nam/	Tổ 9, Tổ dân phố Thạnh Mỹ 2, Xã Thạnh		10/12/2025	Không còn là công ty con gián	

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Phu Thanh My JSC.					Department of Planning and Investment of Quang Nam Province	Mỹ, TP. Đà Nẵng/ Group 9, Thanh Mỹ 2 Residential Area, Thanh Mỹ Commune, Da Nang City			tiếp do đã thoái toàn bộ cổ phần sở hữu / No longer an indirect subsidiary as the Company has fully divested of its shares	
26.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC.			0109975082	14/03/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
27.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên/ GELEX Hung Yen			0110199765	17/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street,				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Electricity Trading JSC.						Hai Ba Trung Ward, Hanoi				
28.	Công ty TNHH Gelex Technology/ Gelex Technology Company Ltd.			0111088088	11/11/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ 23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
29.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty con/ Subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
		116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222									
30.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ <i>Song Da Water Investment JSC.</i>	0001220014 (VN Direct) 021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ <i>Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
31.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh/ <i>GELEX Tay Ninh Infrastructure JSC.</i>			3901285684	25/05/2020	Sở KH&ĐT Tỉnh Tây Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province</i>	Số 2/2 Đ/S 4 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam/ <i>No. 2/2, Street 4, Tran Phu, Ninh Trung, P. Ninh Son, TP. Tay Ninh, Tay Ninh Province, Vietnam</i>		30/12/2025	Giải thể/ <i>Dissolution</i>	Không còn là công ty con gián tiếp do đã hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế và giải thể/ <i>No longer an indirect</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Phu Street, Ninh Trung, Ninh Son Ward, Tay Ninh City, Tay Ninh Province, Vietnam				subsidiary because the company has completed procedures for closing its tax code and dissolution
32.	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.</i>	072C003236		3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ <i>3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i>	21/03/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do CTCP Hạ tầng GELEX- Công ty con của Công ty mua thêm cổ phần nâng tỷ lệ sở hữu lên 65%/ <i>Became an indirect subsidiary as GELEX Infrastructure JSC. –</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										Company's subsidiary acquired additional shares and increased its ownership to 65%.	
33.	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ <i>Titan Hai Phong JSC.</i>			0202280462	29/03/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ <i>No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City</i>	11/09/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX- Công ty con của Công ty mua thêm cổ phần nâng tỷ lệ sở hữu lên 70%/ <i>Became an indirect subsidiary as GELEX Infrastruct</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										ure JSC. – Company's subsidiary acquired additional shares and increased its ownership to 70%.	
34.	Công ty TNHH FIH (Vietnam)/ <i>FIH (Vietnam) Co., Ltd.</i>			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	20/08/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
35.	Công ty TNHH G&F Residence/ <i>G&F Residence Co., Ltd.</i>			0319127272	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	25/08/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
36.	Công ty TNHH FPMS (Vietnam)/ FPMS (Vietnam) Co., Ltd.			0319217952	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	15/10/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
37.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ <i>Kim Trang Materials Import-Export JSC.</i>			0202260360	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ <i>No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City</i>	06/11/2025			Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
38.	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ <i>Viglacera Corporation – JSC.</i>	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ <i>16th & 17th Floors, Viglacera Building, No.</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							1 Tháng Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi				
39.	Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu/ <i>Dap Cau Glass JSC.</i>			2300100471	13/05/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province</i>	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
40.	Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera/ <i>Viglacera Glass Erection One Member Co., Ltd.</i>			2300893252	28/11/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province</i>	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
41.	Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải/			5700101154	20/02/2025	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and</i>	Thôn Sơn Hào, Đặc khu Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh, Việt				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Viglacera Van Hai JSC.					Investment of Quang Ninh Province	Nam/ Son Hao Hamlet, Van Don Special Administrative Zone, Quang Ninh Province, Vietnam				
42.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera/ Viglacera Mineral JSC.			5200284005	17/04/2022	Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái/ Department of Planning and Investment of Yen Bai Province	Tổ dân phố Văn Quý, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai/ Van Quy Residential Group, Van Phu Ward, Lao Cai Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
43.	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera/ Viglacera Viet Tri JSC.			2600310134	10/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Phu Tho Provincial Department of Finance	Phố Hồng Hà, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ/ Hong Ha Street, Thanh Mieu Ward, Phu Tho Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
44.	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì/ <i>Viglacera Thanh Tri Sanitary Ware JSC.</i>			0100107557	17/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội/ <i>Nguyen Khoai Street, Vinh Hung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
45.	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera/ <i>Viglacera Trading JSC.</i>			0102640785	09/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
46.	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long/			2500224026	24/11/2025	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial</i>	Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phuc Yen</i>				Công ty con gián tiếp/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Viglacera Thang Long JSC.					Department of Finance	Ward, Phu Tho Province				Indirect subsidiary
47.	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ Viglacera Tien Son JSC.			2300317851	18/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Tien Son Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
48.	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội/ <i>Viglacera Hanoi JSC.</i>			0100774247	19/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội/ <i>15th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
49.	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera/ <i>Viglacera Aeration Concrete JSC.</i>			2300533002	08/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Yen Phong Industrial Park, Yen Phong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
50.	Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera/ <i>Viglacera Ceramic Tiles Trading JSC.</i>			0105908818	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>2nd Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward,</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Hanoi, Vietnam				
51.	Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera/ <i>Viglacera Packaging & Brake Linings JSC.</i>			0100106948	06/04/2022	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 676 Hoàng Hoa Thám, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 676 Hoang Hoa Tham Street, Tay Ho Ward, Hanoi, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
52.	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long/ <i>Viglacera Ha Long JSC.</i>			5700101147	13/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Quang Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu phố Hà Khẩu 2, đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Ha Khau 2 Residential Quarter, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
53.	Công ty Cổ phần Từ			0101405475	13/05/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of</i>	Số 489, Km8, QL 21B, Xã Bình Minh,				Công ty con gián tiếp/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Liên/ Tu Liem JSC.					<i>Planning and Investment of Hanoi City</i>	Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 489, Km8, National Highway 21B, Binh Minh Commune, Hanoi, Vietnam				<i>Indirect subsidiary</i>
54.	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh/ 382 Dong Anh JSC.			0101412313	28/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tổ 35, Xã Đông Anh, TP Hà Nội/ Group 35, Dong Anh Commune, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
55.	Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng/ Huu Hung Ceramic Construction JSC.			0100107243	28/12/2024	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Đường Chùa Tổng, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội/ Chua Tong Street, An Khanh Commune, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
56.	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long/ <i>Viglacera Ha Long Trading One Member Co., Ltd.</i>			5701704733	28/04/2014	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province</i>	Khu 2 đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Zone 2, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
57.	Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera/ <i>Viglacera Brick Clinker JSC.</i>			5701409576	25/06/2010	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province</i>	Cụm Công nghiệp Kim Sen, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Kim Sen Industrial Cluster, Mao Khe Ward, Quang Ninh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
58.	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera/ <i>Viglacera Consulting JSC.</i>			0100106722	22/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 57, phố Vĩnh Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội/ <i>No. 57, Vinh Phuc Street, Ngoc</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							<i>Ha Ward, Hanoi</i>				
59.	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ/ <i>Viglacera Yen My Industrial Park Development JSC. – Hung Yen</i>			0900995414	10/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ <i>Hung Yen Provincial Department of Finance</i>	ĐH CN4 Khu công nghiệp Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ <i>ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
60.	Công ty TNHH CHAO – Viglacera/ <i>CHAO – Viglacera Co., Ltd.</i>			0107833205	08/05/2017	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tầng 8, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại Lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội/ <i>8th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard,</i>		28/02/2025	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Tổng Công ty Viglacera-CTCP/ <i>No longer an indirect subsidiary due to its</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Dai Mo Ward, Hanoi			merger into Viglacera Corporation – JSC.	
61.	Công ty ViMariel – CTCP/ <i>ViMariel Company – JSC.</i>			201800507	18/03/2020	Bộ KH&ĐT/ <i>Ministry of Planning and Investment</i>	Khu A10 Đặc Khu phát triển Mariel, Cuba/ <i>Zone A10, Mariel Special Development Zone, Cuba</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
62.	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ/ <i>Phu My Ultra Clear Float Glass Co., Ltd.</i>			3502329629	25/07/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lô B2, đường D3 Khu Công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh/ <i>Lot B2, D3 Street, Phu My II Expanded Industrial Park, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
63.	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc/ <i>Viglacera Can Loc JSC.</i>			3001324186	06/10/2010	BQL Khu kinh tế Vũng Áng/ <i>Vung Ang Economic Zone Management Board</i>	Lô CN15, khu CN Hạ Vàng, Xã Can Lộc, Hà Tĩnh/ <i>Lot CN15, Ha Vang Industrial Park, Can Loc Commune, Ha Tinh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> Đang làm thủ tục đóng Công ty sau tái cơ cấu/ <i>Currently carrying out procedures for company dissolution following restructuring</i>
64.	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên Mỹ/ <i>Viglacera Yen My Infrastructure Construction Co., Ltd.</i>			0901076445	08/04/2023	Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên/ <i>Department of Planning and Investment of Hung Yen Province</i>	ĐH-CN4 KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ <i>ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
65.	Công ty Cổ phần Viglacera			4601598818	25/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ <i>Thai</i>	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông				Công ty con gián tiếp/

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Thái Nguyên/ Viglacera Thai Nguyen JSC.					Nguyen Provincial Department of Finance	Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai Nguyen Province				Indirect subsidiary
66.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ Viglacera Hung Yen JSC			0901129785	17/11/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hưng Yên Provincial Department of Finance	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ ĐH, Yen My Industrial, Yen My Commune, Hung Yen Province	10/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera-CTCP hoàn tất góp vốn vào CTCP Viglacera Hưng Yên/ Became an indirect subsidiary as	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										Viglacera Corporation – JSC. completed its capital contribution to Viglacera Hung Yen JSC.	
67.	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam/ <i>Vietnam Float Glass Co., Ltd.</i>			2300103345	19/06/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Quế Võ (Khu mở rộng), Phường Phương Liễu, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Que Vo Industrial Park (Expansion Area), Phuong Lieu Ward, Bac Ninh Province</i>	05/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera - CTCP mua thêm phần vốn góp nâng tỷ lệ sở hữu lên 100%/ <i>Became an indirect subsidiary as Viglacera Corporation – JSC. acquired additional</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
										capital contribution to increase the ownership ratio to 100%	
68.	Công ty cổ phần Đầu tư Vihoco Tiên Dương/ <i>Vihoco Tien Duong Investment JSC.</i>			0111154703	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ <i>14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
69.	Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ/ <i>Viglacera Phu Tho JSC.</i>			2601132364	24/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Trung tâm điều hành KCN Phú Hà, phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Ha Industrial Park Operations Center, Phu</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Tho Ward, Phu Tho Province				
70.	Công ty TNHH MTV Thiết bị vệ sinh Viglacera/ Viglacera Sanitary Ware One Member Co., Ltd.			0111244883	08/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 1, Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội/ 1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
71.	Trường Cao đẳng Viglacera/ Viglacera College			0101495461	15/09/2017	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ LĐTB và XH/ Directorate of Vocational Education and Training – Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs	92 Vĩnh Phúc, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội, Việt Nam/ 92 Vinh Phuc Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
72.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>	16/07/2025			Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
73.	Công ty TNHH Felicitas/ <i>Felicitas Co., Ltd.</i>			0111192360	25/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>23th Floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>	25/08/2025		Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ <i>Subsidiary of GELEX Investment Co., Ltd.</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

TT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
74.	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX/ <i>Trade Union of GELEX Group JSC.</i>	072C003546		39/QĐ-CL	03/02/1997	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam/ <i>Vietnam General Conferderation of Labor</i>	Số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công đoàn/ <i>Trade Union</i>

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ *TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS*

71

						Resolution No. 40/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 06/08/2025.	GELEX thu hồi gốc cho vay/ GELEX's collection of loan principal	670.000.000.000	
							Lãi GELEX cho vay/ Interest earned by GELEX from lending	12.035.205.480	
							GELEX chuyển nhượng khoản đầu tư/ GELEX's transfer of investment	924.160.000.000	
							Thu chi hộ chi phí truyền thông/ Payment on behalf for communication costs	3.000.000.000	
							Hạ tầng GELEX cầm cổ/thể chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ GELEX Infrastructure pledged/mortgaged shares to secure GELEX's obligations	Số dư tại 31/12/2025/ Balance as of 31/12/2025: 120.500.000 VGC	
							GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ GELEX mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations	Tòa nhà GELEX Tower 52 Lê Đại Hành/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh	
							GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans	Số dư bảo lãnh VNĐ tại 31/12/2025/ Balance of VND guarantees as of 31/12/2025: 3.819.819.800.000	

						GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Infrastructure</i> Số dư tại 31/12/2025/ <i>Balance as of 31/12/2025:</i> 13.500.000 cổ phần GELEX Electric/ <i>13.500.000 shares of GELEX Electric</i> 45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX và GELEX Electric/ <i>45,000,000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the obligations of both GELEX Infrastructure and GELEX Electric</i> 45.500.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>45,500,000 shares of GELEX Electric to secure GELEX Infrastructure's obligations</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX</i>	Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Hạ tầng và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of</i>
--	--	--	--	--	--	---	--

							Infrastructure's share purchase agreements	financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Infrastructure and the transferee party	
2.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric")/ GELEX Electricity JSC. ("GELEX Electric")	Công ty con/ Subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ Organization related to the BOD Member	0107547109, ngày cấp 22/05/2025, Sở Tài chính TP Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0107547109, issued on 22/05/2025, by Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024; Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024; NQ số 02/2023/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023; Resolution No. 02/2023/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ dated 26/04/2023; NQ số 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024; Resolution No. 09/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024; NQ số 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024. Resolution No. 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services Thu chi hộ dịch vụ phần mềm, chi phí truyền thông/ Payment on behalf for software services, communication costs Cổ tức GELEX nhận được/ Dividends received by GELEX GELEX cho vay/ GELEX's lending GELEX thu hồi gốc cho vay/ GELEX's collection of loan principal Lãi GELEX cho vay/ Interest earned by GELEX from lending GELEX Electric cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ GELEX Electric pledges/mortgages shares to secure GELEX's obligations	2.749.779.840 1.674.547.467 1.343.975.360.000 100.000.000.000 290.000.000.000 4.146.575.342 Số dư tại 31/12/2025/ Balance at 31/12/2025: 22.200.000 CAV 18.000.000 THI	

						GELEX bảo lãnh cho số dư hạn mức tín dụng của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees the credit limit balance for GELEX Electric</i> Số dư bảo lãnh VNĐ tại 31/12/2025/ <i>Balance of VND guarantees as of 31/12/2025:</i> 113.856.934.555	
						GELEX bảo lãnh cho khoản vay dài hạn của GELEX Electric / <i>GELEX guarantees GELEX Electric 's long-term loans</i> Số dư bảo lãnh VNĐ tại 31/12/2025/ <i>Balance of VND guarantees as of 31/12/2025:</i> 1.067.269.600.000	
						GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của GELEX Electric/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Electric</i> Số dư tại 31/12/2025/ <i>Balance as of 31/12/2025:</i> 1.500.000 cổ phần GELEX Electric/ <i>1.500.000 shares of GELEX Electric</i> 45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của GELEX Electric và Hạ tầng GELEX/ <i>45,000,000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the obligations of both GELEX Electric and GELEX Infrastructure</i>	

							GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees obligations under the share purchase agreement of GELEX Electric</i>	Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa GELEX Electric và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Electric and the transferee party</i>	
3.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”) / <i>Vietnam Electric Cable Corporation</i> (“CADIVI”)	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> ; Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ <i>Organization related to the BOD Member</i>	0300381564, cấp ngày 20/08/2025, nơi cấp Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0300381564, issued on 20/08/2025, by Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh/ <i>70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 35/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 27/11/2019; <i>Resolution No. 35/2019/GELEX/NQ-HĐQT dated 27/11/2019</i> ; NQ số 42/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020; <i>Resolution No. 42/2020/GELEX/NQ-HĐQT dated 18/09/2020</i> ; NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> GELEX mua dịch vụ/ <i>GELEX's purchase of services</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của CADIVI/ <i>GELEX guarantees loans for CADIVI</i>	2.903.500.000 3.432.086.722 Số dư bảo lãnh VND tại 31/12/2025/ <i>Balance of VND guarantees as of 31/12/2025: 0</i>	
4.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai (“CADIVI Đồng Nai”)/	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> ; Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài	3603058326, cấp ngày 28/10/2025, Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ <i>Enterprise Registration</i>	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ <i>Street No. 1, Long Thanh</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 35/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 27/11/2019; <i>Resolution No. 35/2019/GELEX/NQ-HĐQT dated 27/11/2019</i> ;	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của CADIVI Đồng Nai/ <i>GELEX</i>	2.399.200.000 Số dư bảo lãnh VND tại 31/12/2025/	

	<i>CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd. ("CADIVI Dong Nai")</i>	<i>chính Kế toán/ Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department</i>	<i>Certificate No. 3603058326, issued on 28/10/2025, by Dong Nai Provincial Department of Finance</i>	<i>Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province</i>		<i>NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.</i>	<i>guarantees loans for CADIVI Dong Nai</i>	<i>Balance of VND guarantees as of 31/12/2025: 40.004.798.583</i>	
5.	<i>Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.</i>	<i>Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary</i>	<i>2301270370, cấp ngày 21/10/2025, Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ Enterprise Registration Certificate No. 2301270370, issued on 21/10/2025, by Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	<i>Lô D 1-3 Khu công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot D 1-3, Dai Dong Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam</i>	<i>Năm 2025/ Year 2025</i>	<i>NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.</i>	<i>GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services</i>	<i>5.883.298.598</i>	

6.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("THIBIDI")/ <i>Electrical Equipment JSC.</i> ("THIBIDI")	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>	3600253826, ngày cấp 04/01/2024, Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Department of Planning and Investment of Dong Nai Province</i>	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai/ <i>Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024; <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024;</i> NQ số 50/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024; <i>Resolution No. 50/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024;</i> NQ số 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 16/06/2025. <i>Resolution No. 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 16/06/2025.</i>	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ <i>GELEX's revenue from sale of goods</i> 274.628.049.020 GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> 1.515.800.000 GELEX đi vay/ <i>GELEX's drawdown of borrowing</i> 400.000.000.000 Lãi GELEX đi vay/ <i>Interest expense by GELEX on loans</i> 10.109.041.096	
7.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC.</i> ("HEM")	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ <i>Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department</i>	0100100456, ngày cấp 06/05/2025, nơi cấp Sở Tài Chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0100100456, issued on 06/05/2025, by Hanoi Department of Finance</i>	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/ <i>Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024; <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024;</i> NQ số 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 16/06/2025. <i>Resolution No. 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 16/06/2025.</i>	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ <i>GELEX's revenue from sale of goods</i> 42.600.000 GELEX đi vay/ <i>GELEX's drawdown of borrowing</i> 180.000.000.000 GELEX trả tiền vay/ <i>GELEX's loan repayment</i> 50.000.000.000 Lãi GELEX đi vay/ <i>Interest expense by GELEX on loans</i> 3.151.780.820	
8.	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD ("S.A.S-CTAMAD")/ <i>S.A.S-CTAMAD</i>	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD/ <i>Organization related to the a member of the BOM</i>	1018/GP cấp ngày 26/02/2020, nơi cấp Bộ KH&ĐT/ <i>License No. 1018/GP issued on</i>	44 B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ <i>44B Ly Thuong Kiet street, Cua</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i> 1.269.000.000 GELEX mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>GELEX's</i> 6.370.964.094	

	Co., Ltd. ("S.A.S- CTAMAD ")		26/02/2020, by the Ministry of Planning and Investment	Nam Ward, Hanoi			purchases goods and services	
9.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD/ Organization related to a member of the BOM	0108453005, ngày cấp 27/10/2025, nơi cấp Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0108453005, issued on 27/10/2025, by Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 45/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 26/12/2024; Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HDQT dated 26/12/2024; NQ số 27/2025/GELEX/NQ- HDQT ngày 16/06/2025. Resolution No. 27/2025/GELEX/NQ-HDQT dated 16/06/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services GELEX đi vay/ GELEX's drawdown of borrowing GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans	12.710.385.058 335.000.000.000 110.000.000.000 4.340.136.986
10.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")/ CFT Vina Copper Co., Ltd. ("CFT")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	3600241669 cấp ngày 14/07/2025, Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Enterprise Registration Certificate No. 3600241669, issued on 14/07/2025, by Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường D3- 3, KCN Long Đức, Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ D3-3 Street, Long Duc Industrial Park, Binh An Commune, Dong Nai Province, Vietnam	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 45/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 26/12/2024; Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HDQT dated 26/12/2024; NQ số 50/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 50/2024/GELEX/NQ-HDQT dated 26/12/2024.	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ GELEX's revenue from sale of goods GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services Lãi GELEX bán hàng trả chậm/ GELEX's interest income from credit sales GELEX cho vay/ GELEX's lending GELEX thu hồi gốc cho vay/ GELEX's loan principal collection	6.165.064.593.177 475.300.000 443.835.617 400.000.000.000 400.000.000.000

							Lãi GELEX cho vay/ <i>Interest earned by GELEX from lending</i>	4.387.397.259	
							GELEX bảo lãnh cho hạn mức tín dụng được các Ngân hàng cấp cho CFT/ <i>GELEX guarantees credit limits provided to CFT by banks</i>	Số dư bảo lãnh VNĐ tại 31/12/2025/ <i>Balance of VND guarantees as of 31/12/2025:</i> 1.096.577.108.875	
11.	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")/ <i>GELEX Power Generation Co., Ltd. ("GELEX Power Generation ")</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>	0107919237, ngày cấp 30/12/2022, Số KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0107919237, issued on 30/12/2022, by Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	NQ số 45/2024/GELEX/NQ- HĐQT ngày 26/12/2024; <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024;</i> NQ số 10/2024/GELEX/NQ- HĐQT ngày 26/02/2024. <i>Resolution No. 10/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/02/2024.</i>	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Phát điện GELEX/ <i>GELEX's revenue from rendering services to GELEX Power Generation</i> GELEX trả gốc vay/ <i>GELEX's repayment of loan principal</i> Lãi GELEX đi vay/ <i>GELEX's loan interest expenses</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Phát điện GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under the share purchase agreement of GELEX Power Generation</i>	5.203.935.400 371.600.000.000 3.848.101.369 Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Phát điện GELEX và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ <i>Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Power</i>	

							Generation and the transferee party	
12.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX ("Mua bán điện GELEX")/ GELEX Electricity Trading JSC. ("GELEX Electricity Trading")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0109975082, ngày cấp 14/03/2025, Sô KH&ĐT TP Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0109975082, issued on 14/03/2025, by Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services	1.296.286.610
13.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE ("MEE")/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC. ("MEE")	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0106061404, ngày cấp 15/10/2025, Sô Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0106061404, issued on 15/10/2025, by Hanoi Department of Finance	Số 69, tổ 15, xã Phúc Thịnh, Hà Nội/ No. 69, Group 15, Phuc Thinh Commune, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024; Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024; NQ số 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 16/06/2025. Resolution No. 27/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 16/06/2025.	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services GELEX đi vay/ GELEX's drawdown of borrowing GELEX trả tiền vay/ GELEX's loan repayment Lãi GELEX đi vay/ Interest expense by GELEX on loans	383.700.000 150.000.000.000 100.000.000.000 2.499.863.016
14.	Công ty TNHH Icapital/ Icapital Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT/ Organization related to the BOD Member	0109602644, cấp ngày 20/04/2021, Sô KH&ĐT TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No.	Tầng 10, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 01/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024. Resolution No. 01/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 02/01/2024.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services	376.905.785

		<i>cum Chairman of Audit Committee</i>	<i>0109602644, issued on 20/04/2021, by Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Hà Nội, Việt Nam/ 10 th floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam				
15.	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC/ GEIC Industry Equipment JSC.	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD đến ngày 30/09/2025/ <i>Organization related to a member of the BOM until 30/09/2025</i> (*)	0108166233, cấp ngày 02/10/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 0108166233, issued on 02/10/2025, by Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	(**)	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX's revenue from rendering services</i>	2.467.626.687
16.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 ("Titan Bắc Ninh 1")/ Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025/ <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i> (***)	2301226759, cấp ngày 04/07/2023, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh/ <i>Enterprise Registration Certificate No. 2301226759, issued on 04/07/2023, by Department of Planning and Investment of</i>	Lô đất CN4-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong và Xã Tam Giang, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Plot CN4-2, Yen Phong II-C Industrial Park, Yen</i>	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 27/2023/GELEX/NQ-HĐQT ngày 20/10/2023; <i>Resolution No. 27/2023/GELEX/NQ-HĐQT dated 20/10/2023;</i> NQ số 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28/02/2023; <i>Resolution No. 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT dated 28/02/2023;</i> NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. <i>Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.</i>	Lãi GELEX cho vay/ <i>GELEX's loan interest income</i> GELEX cân trừ gốc cho vay/ <i>GELEX's loan principal offsetting</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Titan Bắc Ninh 1/ <i>GELEX guarantees Titan Bac Ninh 1's loan</i>	7.692.734.408 121.394.209.160 Số dư bảo lãnh VND tại 14/09/2025/ <i>Balance of VND guarantees as of 14/09/2025:</i> 115.611.257.629

	("Titan Bac Ninh 1")		Bac Ninh Province	Phong Commune and Tam Giang Commune, Bac Ninh Province		(***)		
17.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hung Yên) ("Titan Hung Yên")/ Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd. ("Titan Hung Yen")	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025/ Organization related to members of the BOM until 14/09/2025 (***)	0901129979, cấp ngày 17/01/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hung Yên/ Enterprise Registration Certificate No. 0901129979, issued on 17/01/2024, by Department of Planning and Investment of Hung Yen Province	Lô CN1, KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ Lot CN1, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28/02/2023; Resolution No. 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT dated 28/02/2023; NQ số 27/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024; Resolution No. 27/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 05/07/2024; NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024. (***)	Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income 13.298.416.173 GELEX cân trừ gốc cho vay/ GELEX's loan principal offsetting 250.605.130.496 GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Titan Hung Yên/ GELEX guarantees Titan Hung Yen's loan Số dư bảo lãnh VND tại 14/09/2025/ Balance of VND guarantees as of 14/09/2025: 203.333.959.232	
18.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh) ("Titan Bắc Ninh 2")/ Titan Industrial 2 (Bac	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025/ Organization related to members of the BOM until 14/09/2025 (***)	2301232248, cấp ngày 26/09/2024, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh/ Enterprise Registration Certificate No. 2301232248, issued on 26/09/2024, by Department of Planning and Investment of	Lô đất CN1-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung, Tỉnh Bắc Ninh/ Lot CN1-2, Yen Phong Industrial Park (expansion area), Yen	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28/02/2023. Resolution No. 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT dated 28/02/2023. (***)	GELEX thu hồi và cân trừ gốc cho vay/ GELEX's loan principal collection and offsetting 319.448.146.591 Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income 20.026.251.043 GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Titan Bắc Ninh 2/ GELEX guarantees Titan Bac Ninh 2's loan Số dư bảo lãnh VND tại 14/09/2025/ Balance of VND	

	Ninh) Co., Ltd. (“Titan Bac Ninh 2”)		Bac Ninh Province	Trung Commune, Bac Ninh Province			guarantees as of 14/09/2025: 207.240.632.672	
19.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025/ Organization related to members of the BOM until 14/09/2025 (***)	2301312486, cấp ngày 11/12/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh/ Business Registration No. 2301312486, issued on 11/12/2024, by Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất Lô đất CN4-1, Khu Công Nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh/ Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo Ward and Ninh Xa Ward, Bac Ninh Province	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 44/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024. Resolution No. 44/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 25/12/2024.	GELEX cho vay/ GELEX's lending 55.707.728.448 GELEX cân trừ gốc cho vay/ GELEX's loan principal offsetting 125.707.728.448 Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income 7.004.550.877	
20.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh) (“Titan Quảng Ninh”)/ Titan Industrial (Quang	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025/ Organization related to members of the BOM until 14/09/2025 (***)	5702131443, cấp ngày 30/09/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh/ Enterprise Registration Certificate No. 5702131443, issued on 30/09/2024, by Department of Planning and	Lô CN1, KCN Đông Mai, phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Ninh	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 31/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/08/2024; Resolution No. 31/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 05/08/2024; NQ số 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024. Resolution No. 45/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 26/12/2024.	GELEX cho vay/ GELEX's lending 26.668.154.401 GELEX cân trừ gốc cho vay/ GELEX's loan principal offsetting 26.668.154.401 Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income 453.723.941	

	Ninh) Corporatio n Ltd. ("Titan Quang Ninh")		Investment of Quang Ninh Province	Province, Vietnam			GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Titan Quảng Ninh	Số dư bảo lãnh VND tại 14/09/2025/ Balance of VND guarantees as of 14/09/2025: 99.265.547.914	
21.	Công ty TNHH Titan Corporation / Titan Corporatio n Ltd.	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD / Organization related to members of the BOM	317503404, cấp ngày 20/12/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 317503404, issued on 20/12/2024, by Department of Planning and Investment of Hanoi	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 32/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 21/08/2024; Resolution No. 32/2024/GELEX/NQ-HDQT dated 21/08/2024; NQ số 40/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 05/11/2024; Resolution No. 40/2024/GELEX/NQ-HDQT dated 05/11/2024; NQ số 40/2025/GELEX/NQ- HDQT ngày 06/08/2025. Resolution No. 40/2025/GELEX/NQ-HDQT dated 06/08/2025.	GELEX góp vốn/ GELEX contributed capital GELEX chuyển nhượng vốn/ GELEX's equity transfer	93.345.000.000 757.188.705.096	
22.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")/ Ninh Thuan GELEX	Công ty liên kết/ Associate	4500618017 cấp ngày 14/06/2024, Sở KH&ĐT Ninh Thuận/ Enterprise Registration Certificate No. 4500618017, issued on	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa/ Son Hai Hamlet, Phuoc Dinh Commune,	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 49/2020/GELEX/NQ- HDQT ngày 05/10/2020; Resolution No. 49/2020/GELEX/NQ-HDQT dated 05/10/2020; NQ số 01/2024/GELEX/NQ- HDQT ngày 02/01/2024.	GELEX thu hồi gốc cho vay/ GELEX's loan principal collection Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income	110.625.000.000 32.671.264.556	

	Energy Co., Ltd. ("GELEX Ninh Thuan")		14/06/2024, by Department of Planning and Investment of Ninh Thuan Province	Khanh Hoa Province		Resolution No. 01/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 02/01/2024.		
23.	Công ty TNHH Gelex Technology / Gelex Technology Company Ltd.	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	0111088088, cấp ngày 11/11/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0111088088, issued on 11/11/2025, by Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ 23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 33/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 21/07/2025. Resolution No. 33/2025/GELEXNQ-HĐQT dated 21/07/2025.	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services	505.480.244
24.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ GELEX Investment Co., Ltd.	Công ty con/ Subsidiary	0111128855, cấp ngày 16/07/2025, Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Enterprise Registration Certificate No. 0111128855, issued on 16/07/2025, by Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 33/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 21/07/2025. Resolution No. 33/2025/GELEXNQ-HĐQT dated 21/07/2025.	GELEX cho vay/ GELEX's lending GELEX thu hồi gốc cho vay/ GELEX's loan principal collection Lãi GELEX cho vay/ GELEX's loan interest income	1.595.000.000.000 1.255.000.000.000 1.609.753.424
25.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary	5400310164, ngày cấp 14/08/2025, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ/	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ,	Năm 2025/ Year 2025	NQ số 01/2024/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2024;	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX's revenue from rendering services	393.300.000

Song Da Water Investment JSC.	Enterprise Registration Certificate No. 5400310164, issued on 14/08/2025, by Phu Tho Provincial Department of Finance	Việt Nam/ Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam	Resolution No. 01/2024/GELEX/NQ-HĐQT dated 02/01/2024; NQ số 33/2025/GELEX/NQ-HĐQT ngày 21/07/2025. Resolution No. 33/2025/GELEX/NQ-HĐQT dated 21/07/2025.	Thu chi hộ chi phí truyền thông/ Payment on behalf for communication costs	5.000.000.000
-------------------------------	---	---	--	--	---------------

(*) Đối với các bên không còn là bên liên quan, nội dung và tổng giá trị giao dịch nêu bên trên được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

For parties that are no longer related parties, the content and total transaction value mentioned above are calculated up to the point before they ceased to be related parties.

(**) Tại thời điểm các bên ký kết Hợp đồng đối với giao dịch này, ông Nguyễn Trọng Trung chưa là người nội bộ của GELEX nên chưa tính là giao dịch với bên có liên quan và giao dịch này cũng không thuộc diện cần HĐQT phê duyệt theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của GELEX. Từ ngày 01/01/2024 ông Nguyễn Trọng Trung là Phó Tổng Giám đốc của GELEX nên GELEX kê khai các giao dịch này vào Báo cáo quản trị. Tuy nhiên, từ ngày 01/10/2025, Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC không còn là Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD do ông Nguyễn Trọng Trung đã từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC.

At the time of signing the contract for this transaction, Mr. Nguyen Trong Trung was not an internal person of GELEX, so this was not considered a transaction with a related party and thus did not require approval by the BOD under legal and internal GELEX regulations. As of from 01/01/2024, Mr. Nguyen Trong Trung became the Deputy General Director of GELEX, so GELEX has reported these transactions in the Governance Report. However, from 01/10/2025, GEIC Industry Equipment JSC. is no longer the Organization related to the member of the BOM because Mr. Nguyen Trong Trung had resigned from the positions of Member of the BOD and General Director at GEIC Industrial Equipment JSC.

(***) Tại thời điểm thông qua Nghị quyết này, ông Nguyễn Hoàng Long và ông Lê Tuấn Anh chưa là Phó Tổng Giám đốc của GELEX nên chưa tính là giao dịch với bên có liên quan do vậy Nghị quyết số 27/2023/GELEX/NQ-HĐQT không thuộc diện công bố thông tin (Nghị quyết số 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT đã được công bố thông tin do đây là quyết định đầu tư dẫn đến Titan trở thành công ty liên kết). Từ ngày 01/01/2024, ông Nguyễn Hoàng Long là Phó Tổng Giám đốc của GELEX nên GELEX kê khai các giao dịch này vào Báo cáo quản trị. Tuy nhiên, từ ngày 15/09/2025, Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1, Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng Yên), Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh), Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh), Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh) không còn là Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD do ông Nguyễn Hoàng Long và ông Lê Tuấn Anh đã từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng thành viên tại các công ty này.

At the time of approving this Resolution, Mr. Nguyen Hoang Long and Mr. Le Tuan Anh were not Deputy General Directors of GELEX, so the transaction was not considered with a related party, and Resolution No. 27/2023/GELEX/NQ-HĐQT was not subject to information disclosure (Resolution No. 03/2023/GELEX/NQ-HĐQT was disclosed as it was an investment decision leading to Titan becoming an associated company). As of from 01/01/2024, Mr. Nguyen Hoang Long became the Deputy General Director of GELEX, so GELEX has included these transactions in the Governance Report. However, from 15/09/2025, Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd., Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd., Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd., Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd., Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd. are no longer the Organization related to members of the BOM because Mr. Nguyen Hoang Long and Mr. Le Tuan Anh had resigned from the positions of Members of the Members' Council at these companies.

PHỤ LỤC 4/ ANNEX 4

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT/ TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Chức vụ tại CTNY Position at the listed Company	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./ Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng) Content, quantity, total transaction value (VND) (*)	Ghi chú Note
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary; Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ Organization related to the BOD Member			70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chi Minh/ 70- 72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC. (**)	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa dịch vụ/ Purchase of goods and services 659.748.252	
						Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd. (**)	Năm 2025/ Year 2025	Cổ tức nhận được/ Dividends received 1.339.629.720.000	
								Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods, raw materials and services 1.524.407.153.080	

							Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	11.819.142.563.417	
							Lợi nhuận được chia/ <i>Distributed profits</i>	685.000.000.000	
					Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ <i>CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ/ <i>Revenue from sales of goods and services</i>	1.484.941.106	
							Lợi nhuận được chia/ <i>Distributed profits</i>	60.000.000.000	
					Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ <i>GELEX Electricity Trading JSC.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ/ <i>Revenue from sales of goods and services</i>	242.880.100	
					Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ <i>Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (**)</i>	Năm 2025/ Year 2025	Cổ tức/ <i>Dividends</i>	342.585.000	
2.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ <i>GELEX Electricity JSC.</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary;</i> Tổ chức có liên quan tới Thành			Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh</i>	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX Infrastructure JSC. (**)</i>	Đi vay/ <i>Drawdown of borrowing</i>	200.000.000.000	
							Trả tiền vay/ <i>Loan repayments</i>	200.000.000.000	
							Lãi đi vay/ <i>Loan interest expenses</i>	4.589.178.082	

		viên HĐQT/ Organizati on related to the BOD Member			Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi			Cho vay/ <i>Lending activities</i>	700.000.000.000	
								Lãi cho vay/ <i>Interest earned from lending</i>	13.426.027.398	
						Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC Electrical Measuring Instrument JSC. (**)</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	Bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and services</i>	74.096.523.400	
								Mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>Purchases of goods and services</i>	541.819.795.938	
								Đi vay/ <i>Drawdown of borrowing</i>	50.000.000.000	
								Trả tiền vay/ <i>Loan repayments</i>	170.000.000.000	
								Lãi đi vay/ <i>Loan interest expenses</i>	1.201.369.859	
								Thu hộ chi hộ/ <i>Collection and payment on behalf</i>	1.107.834.363	
								Cổ tức/ <i>Dividends</i>	182.232.900.000	
								Góp vốn/ <i>Capital contribution</i>	225.000.000.000	
						Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ <i>CFT Vina Copper Co., Ltd.</i>	Năm 2025/ <i>Year 2025</i>	Lãi cho vay/ <i>Interest earned from lending</i>	246.575.342	
								Thu hồi gốc vay/ <i>Loan principal collection</i>	200.000.000.000	

							Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf	1.047.948.687	
						Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện/ Electrical Equipment JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services 216.626.115.428 Cổ tức nhận được/ Dividend received 526.444.842.000 Thu hộ chi hộ/ Collection and payment on behalf 253.529.647 Nhận chuyển nhượng cổ phần EEMC/ Acquisition of shares in EEMC 1.211.313.118.500	
						Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechan ical Manufacturing JSC. (**)	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ Payment on behalf 14.089.903 Cổ tức nhận được/ Dividends received 89.054.748.000 Đi vay/ Drawdown of borrowing 55.000.000.000 Trả tiền vay/ Loan repayments 185.000.000.000 Lãi đi vay/ Loan interest expenses 3.245.205.480	
						Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ Payment on behalf 5.803.128	

						<i>Electricity Trading JSC.</i>			
						Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng hóa/ <i>Revenue from sales of goods</i> 144.929.219.458 Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i> 23.212.490 Góp vốn/ <i>Capital contribution</i> 146.547.500.000	
						Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam / Vietnam Electric Cable Corporation	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i> 659.748.252 Cổ tức nhận được/ <i>Dividends received</i> 1.339.629.720.000	
						Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd. (**)	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i> 34.818.735	
						Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i> 17.409.373	
						Công ty TNHH Đầu tư Gelex/ Gelex Invest Company Limited	Năm 2025/ Year 2025	Cho vay/ <i>Lending activities</i> 1.062.556.849.314 Thu hồi gốc vay/ <i>Loan principal collection</i> 93.000.000.000	

							Lãi cho vay/ <i>Interest earned from lending</i>	17.816.363.181	
					Công ty TNHH GELEX Technology/ <i>GELEX Technology Company Ltd.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i>	1.959.774.038	
							Góp vốn/ <i>Capital contribution</i>	25.928.400.000	
					Công ty TNHH Phát điện GELEX/ <i>GELEX Power Generation Co., Ltd.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Cổ tức nhận được/ <i>Dividends received</i>	38.437.286.450	
							Thu chi hộ/ <i>Payment on behalf</i>	5.803.128	
							Cho vay/ <i>Lending activities</i>	17.000.000.000	
							Thu hồi gốc vay/ <i>Loan principal collection</i>	17.000.000.000	
							Lãi cho vay/ <i>Interest earned from lending</i>	46.575.342	
3.	CTCP nước sạch Tây Hà Nội/ <i>Western Ha Noi Water JSC.</i>	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ <i>Organization related to the BOD Member</i>			Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội/ <i>Trai Chieu Hamlet, Son Dong Commune, Hanoi</i>	Công ty Cổ phần Nước sạch Sông Đà/ <i>Song Da Water Investment JSC.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa và dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	61.596.487.536
4.	Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ <i>EMIC</i>	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD			Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ <i>Electrical</i>	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng/ <i>Revenue from sales of goods</i>	60.990.669.145

	<i>Electrical Measuring Instrument JSC.</i>	<i>/ Organization related to a member of the BOM</i>		<i>Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	<i>Equipment JSC.</i>			
					<i>Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX/ GELEX Electricity Trading JSC.</i>	<i>Năm 2025/ Year 2025</i>	<i>Doanh thu bán hàng/ Revenue from sales of goods</i>	<i>1.854.168.191</i>
					<i>Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên/ GELEX Hung Yen Electricity Trading JSC.</i>	<i>Năm 2025/ Year 2025</i>	<i>Doanh thu bán hàng/ Revenue from sales of goods</i>	<i>134.677.900</i>
					<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp và Truyền tải MEE/ MEE Power Transformer Manufacturing JSC.</i>	<i>Năm 2025/ Year 2025</i>	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ/ Revenue from rendering services</i> <i>Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchase of goods and services</i> <i>Cho vay/ Lending activities</i> <i>Thu hồi gốc vay/ Loan principal collection</i> <i>Lãi cho vay/ Interest earned from lending</i>	<i>95.491.640.235</i> <i>99.658.464.700</i> <i>65.000.000.000</i> <i>106.000.000.000</i> <i>1.587.095.890</i>

5.	Công ty cổ phần Thiết bị công nghiệp GEIC/ GEIC Industry Equipment JSC. (*)	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD đến ngày 30/09/2025 / Organization related to a member of the BOM			Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	11.526.181.600 22.200.000	Không còn là bên liên quan từ ngày 01/10/2025 / No longer related parties from 01/10/2025
6.	Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC.	Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department			Km 12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/ Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	391.000.000	
7.	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One	Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/			Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 1,	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT/ CFT Vina Copper Co., Ltd.	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa dịch vụ/ Purchase of goods and services	3.793.890.914.474	

	Member Co., Ltd.	Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department			Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province	Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc/ CADIVI Mien Bac One Member Co., Ltd.	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng hóa/ Revenue from sales of goods	429.587.460.001	
						Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa dịch vụ/ Purchase of goods and services	2.416.680.000	
8.	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD/ S.A.S-CTAMAD Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD/ Organization related to a member of the BOM			44 B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	290.787.000	
						Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	Năm 2025/ Year 2025	Doanh thu bán hàng và dịch vụ/ Revenue from sales of goods and services	331.149.000	
9.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd. (*)	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 / Organization related to members of the BOM			Lô đất CN4-1, Khu công nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot CN4-1, Thuan Thanh I	Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Viglacera Corporation - JSC.	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services	568.446.208.650	Không còn là bên liên quan từ ngày 15/09/2025 / No longer related parties from 15/09/2025

		until 14/09/2025			Industrial Park, Tram Lo Ward and Ninh Xa Ward, Bac Ninh Province, Vietnam					
10.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh)/ <i>Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.</i> (*)	Tổ chức có liên quan tới Thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 / <i>Organizati on related to members of the BOM until 14/09/2025</i>			Lô CN1, KCN Đông Mai, phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ <i>Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Ninh Province, Vietnam</i>	Tổng công ty Viglacera - CTCP/ <i>Viglacera Corporation – JSC.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Mua hàng hóa, dịch vụ/ <i>Purchase of goods and services</i>	128.501.901.000	Không còn là bên liên quan từ ngày 15/09/2025 / <i>No longer related parties from 15/09/2025</i>
11.	Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn/ <i>Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC.</i>	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ <i>Organizati on related to the BOD Member</i>			Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ <i>3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX Infrastructure JSC.</i>	Năm 2025/ Year 2025	Mua cổ phần/ <i>Share acquisition</i> Đi vay/ <i>Drawdown of borrowing</i> Trả tiền vay/ <i>Loan repayments</i> Lãi đi vay/ <i>Loan interest expenses</i>	934.232.880.000 23.045.000.000 23.045.000.000 734.598.834	

(*) Đối với các bên không còn là bên liên quan, nội dung và tổng giá trị giao dịch nêu bên trên được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

For parties that are no longer related parties, the content and total transaction value mentioned above are calculated up to the point before they ceased to be related parties.

(**) Giao dịch giữa bên liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát mà các công ty này đồng thời là bên liên quan của người nội bộ thì giao dịch được kê khai một lần và không kê khai trùng lặp.

Transactions between related parties of the internal person and subsidiaries or companies controlled by the company, which are also related parties of the internal person, are disclosed once and not duplicated.

PHỤ LỤC 5/ ANNEX 5

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO)/ *TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY THAT ITS MEMBERS OF BOD, THE BOARD OF SUPERVISORS, DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) AND OTHER MANAGERS HAVE BEEN FOUNDING MEMBERS OR MEMBERS OF BOD, OR DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) IN THREE (03) LATEST YEARS (AS OF THE REPORT DATE)*

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI") <i>Vietnam Electric Cable Corporation ("CADIVI")</i>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT <i>Indirect subsidiary – Organization related to a member of the BOD</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX mua dịch vụ/ <i>GELEX purchases services</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của CADIVI/ <i>GELEX guarantees loans for CADIVI</i>
2.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("THIBIDI") <i>Electrical Equipment JSC. ("THIBIDI")</i>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 23/04/2024 <i>Indirect subsidiary – Organization related to a member of the BOM until 23/04/2024</i>	GELEX bán hàng hóa cho THIBIDI/ <i>GELEX sells goods to THIBIDI</i> GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX đi vay và trả lãi vay/ <i>GELEX borrows funds and pays loan interest</i>
3.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric") <i>GELEX Electricity JSC. ("GELEX Electric")</i>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT và thành viên BTGD <i>Subsidiary – Organization related to a member of the BOD and a member of the BOM</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX thu chi hộ chi phí cho GELEX Electric/ <i>GELEX settles expenses on behalf of GELEX Electric</i> GELEX Electric trả cổ tức cho GELEX/ <i>GELEX Electric pays dividends to GELEX</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
			GELEX cho vay, thu hồi gốc vay, thu lãi vay/ <i>GELEX lends capital, collects principal and collects loan interest</i> GELEX Electric cầm cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Electric pledges shares to secure GELEX's obligations</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay và số dư hạn mức tín dụng của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees loans and credit limit balance for GELEX Electric</i> GELEX cầm cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của GELEX Electric/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Electric</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của GELEX Electric/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX Electric's share purchase agreements</i>
4.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("Hạ tầng GELEX") <i>GELEX Infrastructure JSC. ("GELEX Infrastructure")</i>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới các thành viên HĐQT, các thành viên BTGD và Giám đốc Ban Tài chính Kế toán <i>Subsidiary – Organization related to members of the BOD, members of the BOM and the Director of the Finance and Accounting Department</i>	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i> GELEX đi vay, trả tiền vay và căn trừ gốc vay, trả lãi vay/ <i>GELEX borrows funds, pays and offsets loan principal, pays loan interest</i> GELEX cho vay, thu hồi gốc vay, thu lãi vay/ <i>GELEX lends capital, collects principal and collects loan interest</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
			GELEX chuyển nhượng khoản đầu tư cho Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX transfers investment to GELEX Infrastructure</i> GELEX thu chi hộ chi phí cho Hạ tầng GELEX Electric/ <i>GELEX settles expenses on behalf of GELEX Infrastructure</i> Hạ tầng GELEX cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ <i>GELEX Infrastructure pledges shares to secure GELEX's obligations</i> GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans</i> GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Infrastructure</i> GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees obligations under GELEX Infrastructure's share purchase agreements</i>
5.	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD ("S.A.S-CTAMAD")	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD	GELEX cung cấp dịch vụ/ <i>GELEX renders services</i>

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
	S.A.S.-CTAMAD CO., LTD. ("S.A.S-CTAMAD")	Organization related to a member of the BOM	GELEX mua hàng hóa và dịch vụ/ GELEX purchases goods and services
6.	Công ty TNHH ICAPITAL ICAPITAL Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT Organization related to member of the BOD cum Chairman of Audit Committee	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX renders services
7.	Công ty Cổ phần Thiết bị công nghiệp GEIC GEIC Industry Equipment JSC.	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 30/09/2025 Organization related to a member of the BOM until 30/09/2025	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX renders services
8.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD Indirect subsidiary - Organization related to a member of the BOM	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX renders services GELEX đi vay, trả tiền vay và lãi đi vay/ GELEX borrows funds, pays loan principal and loan interest
9.	Công ty Cổ phần Chế tạo điện Cơ Hà Nội ("HEM") Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. ("HEM")	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Indirect subsidiary - Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department	Doanh thu GELEX bán hàng hóa/ GELEX's revenue from sale of goods GELEX đi vay, trả tiền vay và lãi đi vay/ GELEX borrows funds, pays loan principal and loan interest
10.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Giám đốc Ban Tài chính Kế toán	GELEX cung cấp dịch vụ/ GELEX renders services GELEX bảo lãnh cho khoản vay của CADIVI Đồng Nai/ GELEX guarantees loans for CADIVI Dong Nai

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
		<i>Indirect subsidiary - Organization related to the Director of the Finance and Accounting Department</i>	
11.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 <i>Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i>	GELEX thu lãi vay và căn trừ gốc cho vay/ <i>GELEX collects loan interest and offsets loan principal</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
12.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh) <i>Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i>	GELEX thu lãi vay, thu hồi và căn trừ gốc vay/ <i>GELEX collects loan interest, collects and offsets loan principal</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
13.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh) <i>Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i>	GELEX cho vay, thu lãi vay và căn trừ gốc cho vay/ <i>GELEX lends capital, collects loan interest and offsets loan principal</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
14.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hung Yên) <i>Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i>	GELEX thu lãi vay và căn trừ gốc cho vay/ <i>GELEX collects loan interest and offsets loan principal</i> GELEX bảo lãnh cho khoản vay/ <i>GELEX guarantees the loan</i>
15.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh) <i>Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.</i>	Tổ chức có liên quan tới thành viên BTGD đến ngày 14/09/2025 <i>Organization related to members of the BOM until 14/09/2025</i>	GELEX cho vay, thu lãi vay và căn trừ gốc cho vay/ <i>GELEX lends capital, collects loan interest and offsets loan principal</i>

PHỤ LỤC 6/ ANNEX 6

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/

THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Nguyễn Trọng Hiền/ Nguyen Trong Hien		Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)/ Chairman of the Board of Directors (Independent member of the BOD)					2.671.200	0,30%	
1.01	Trần Thị Thu Hà/ Tran Thi Thu Ha							0	0,00%	
1.02	Nguyễn Trà My/ Nguyen Tra My							0	0,00%	
1.03	Nguyễn Trà Giang/ Nguyen Tra Giang							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										Citizen Identification Card
1.04	Nguyễn Trọng Danh/ Nguyen Trong Danh							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
1.05	Nguyễn Trọng Thu/ Nguyen Trong Thu							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
1.06	Bùi Thị Xuân/ Bui Thi Xuan							0	0,00%	
1.07	Nguyễn Thị Phương Thảo/ Nguyen Thi Phuong Thao							0	0,00%	
1.08	Nguyễn Thị Thanh Lương/ Nguyen Thi Thanh Luong							0	0,00%	
1.09	Lê Khánh Tân/ Le Khanh Tan							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.10	Nguyễn Hoài Bắc/ Nguyen Hoai Bac							0	0,00%	
1.11	Trần Đình Tinh/ Tran Dinh Tinh							0	0,00%	
1.12	Lê Thị Viêm/ Le Thi Viem							0	0,00%	
1.13	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Hiên là thành viên HĐQT của Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Mr. Nguyen Trong Hien is a member of the BOD of Viglacera Corporation – JSC.
2	Lương Thanh Tùng/ Luong Thanh Tung		Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên UBKT/ Vice Chairman of BOD, Member of Audit Committee					2.671.200	0,30%	
2.01	Lương Tuấn Kiêm/ Luong Tuan Kiem							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.02	Diệp Thị Mão/ Diep Thi Mao							0	0,00%	
2.03	Hoàng Thị Nhưng/ Hoang Thi Nhưng							0	0,00%	
2.04	Lương Huyền Trang/ Luong Huyen Trang							0	0,00%	
2.05	Lương Hoàng Minh/ Luong Hoang Minh							0	0,00%	
2.06	Lương Hoàng Diệp Linh/ Luong Hoang Diep Linh							0	0,00%	
2.07	Lương Hồng Nhưng/ Luong Hong Nhưng							1.050	0,00%	
2.08	Nguyễn Quang Phú/ Nguyen Quang Phu							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.09	Nguyễn Thị Thom/ Nguyen Thi Thom							0	0,00%	
2.10	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng không còn là Phó TGĐ của Tổng công ty Viglacera – CTCP kể từ ngày 01/11/2025/ Mr. Luong Thanh Tung is no longer Deputy General Director of Viglacera Corporation – JSC. from 01/11/2025
2.11	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ Mr. Luong Thanh Tung is Vice Chairman cum General Director of the BOD of GELEX Infrastructure JSC.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.12	Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội/ Western Ha Noi Water JSC.			0106913627	08/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Thôn Trại Chiếu, xã Son Đồng, TP. Hà Nội/ Trai Chieu Hamlet, Son Dong Commune, Hanoi	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng không còn là Thành viên HĐQT của CTCP nước sạch Tây Hà Nội/ Mr. Luong Thanh Tung is no longer a member of the BOD of Western Ha Noi Water JSC.
2.13	Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn/ Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC.	072C003236		3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0,00%	Ông Lương Thanh Tùng là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn kể từ ngày 18/06/2025/ Mr. Luong Thanh Tung is the Chairman of the BOD of Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC. from 18/06/2025.
3	Lê Bá Thọ/ Le Ba Tho		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the BOD					840.000	0,09%	
3.01	Lê Bá Tọa/ Le Ba Toa							0	0,00%	Đã mất/ Passed away

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.02	Lê Thị Vinh/ Le Thi Vinh							0	0,00%	
3.03	Bùi Lợi/ Bui Loi							0	0,00%	
3.04	Lê Thị Hoa/ Le Thi Hoa							0	0,00%	
3.05	Bùi Thị Tuông Vy/ Bui Thi Tuong Vy							0	0,00%	
3.06	Lê Bá Khang/ Le Ba Khang							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
3.07	Lê Gia An/ Le Gia An							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
3.08	Lê Bá Phúc/ Le Ba Phuc							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.09	Lê Thị Dự/ Le Thi Du							0	0,00%	
3.10	Lê Thị Dung/ Le Thi Dung							0	0,00%	
3.11	Lê Thị Thu/ Le Thi Thu							0	0,00%	
3.12	Lê Thị Hồng/ Le Thi Hong							0	0,00%	
3.13	Đỗ Đăng Hùng/ Do Dang Hung							0	0,00%	
3.14	Nguyễn Bá Cường/ Nguyen Ba Cuong							0	0,00%	
3.15	Bùi Văn Huy/ Bui Van Huy							0	0,00%	
3.16	Bùi Thị Nga/ Bui Thi Nga							0	0,00%	
3.17	Bùi Thị Vân/ Bui Thi Van							0	0,00%	
3.18	Bùi Thị Thảo Phuong/ Bui							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Thị Thao Phương									
3.19	Công ty CP Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ không còn là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT của Công ty CP Hạ tầng GELEX kể từ ngày 07/10/2025/ Mr. Le Ba Tho is no longer the Chairman of the BOD, the Member of the BOD of GELEX Infrastructure JSC. from 07/10/2025
3.20	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là thành viên HĐQT của Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Mr. Le Ba Tho is a member of the BOD of Viglacera Corporation – JSC.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.21	Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn/ Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC.	072C003236		3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67, Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ không còn là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn kể từ ngày 18/06/2025/ Mr. Le Ba Tho is no longer the Chairman of the BOD, the Member of the BOD of Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC. from 18/06/2025
3.22	Công ty CP Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là Chủ tịch HĐQT của CTCP Điện lực GELEX/ Mr. Le Ba Tho is the Chairman of the BOD of GELEX Electricity JSC.
3.23	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam/ Vietnam Electric Cable Corporation	003C300060 072C003003		0300381564	20/08/2025	Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Lê Bá Thọ là Chủ tịch HĐQT của CTCP Dây cáp điện Việt Nam/ Mr. Le Ba Tho is the Chairman of the BOD of Vietnam Electric Cable Corporation

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4	Nguyễn Văn Tuấn/ Nguyen Van Tuan		Tổng Giám đốc/ General Director (**)					213.229.792	23,63%	(**) Ông Nguyễn Văn Tuấn không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 27/03/2025/ Mr. Nguyen Van Tuan is no longer a member of the BOD from 27/03/2025
4.01	Đào Thị Lor/ Dao Thi Lo							39.467.998	4,374%	
4.02	Dương Quang Sơn/ Duong Quang Son							0	0,00%	
4.03	Nguyễn Thị Kim Loan/ Nguyen Thi Kim Loan							0	0,00%	
4.04	Dương Thị Hồng Hạnh/ Duong Thi Hong Hanh							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.05	Nguyễn Linh Nga/ Nguyen Linh Nga							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
4.06	Nguyễn Minh Anh/ Nguyen Minh Anh							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
4.07	Nguyễn Minh Khôi/ Nguyen Minh Khoi							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
4.08	Nguyễn Hải Minh/ Nguyen Hai Minh							0	0,00%	
4.09	Vũ Thị Lệ/ Vu Thi Le							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.10	Nguyễn Thị Tâm/ Nguyen Thi Tam							0	0,00%	
4.11	Lê Đình Thương/ Le Dinh Thuong							0	0,00%	
4.12	Nguyễn Thị Tuyết/ Nguyen Thi Tuyet							0	0,00%	
4.13	Đặng Duy Hải/ Dang Duy Hai							0	0,00%	
4.14	Công ty CP Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Văn Tuấn là không còn là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT của Công ty CP Điện lực GELEX kể từ ngày 25/03/2025/ Mr. Nguyen Van Tuan is no longer the Chairman of the BOD, the Member of the BOD of GELEX Electricity

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										JSC from 25/03/2025
4.15	Tổng công ty Viglacera – CTCP/ Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Văn Tuân là không còn là Thành viên HDQT, Chủ tịch HDQT của Tổng công ty Viglacera kể từ ngày 10/06/2025/ Mr. Nguyen Van Tuan is no longer a Member of the BOD, the Chairman of the BOD of Viglacera Corporation – JSC. from 10/06/2025
4.16	Công ty TNHH MTV Đầu Tư GEX/ GEX Investment One Member Co., Ltd.	077C095959 105C608583 057C109090 033C100313 021C086788 004C664325 091C158686 048C036686 081C256868 116C290653 093C048504		4601290653	28/04/2016	Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên/ Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province	Tổ 4, phường Linh Sơn, Thái Nguyên/ Group 4, Linh Son Ward, Thai Nguyen Province	0	0,00%	Người sở hữu phần vốn chi phối tại TNHH MTV Đầu tư GEX là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Tuấn/ The controlling shareholder of GEX Investment One Member Co.,

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
		009C181500 002C127656 022C696699 TPBB000204								Ltd. is Mr. Nguyen Van Tuan's mother
4.17	Công ty Cổ phần FTG Việt Nam/ FTG Vietnam JSC.	072C560888		0106114494	07/04/2020	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tầng 4, K3, CT2, 536A Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội/ 4th Floor, K3, CT2, 536A Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi	0	0,00%	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FTG Việt Nam là anh rể của ông Nguyễn Văn Tuấn/ FTG Vietnam JSC.'s General Director is Mr. Nguyen Van Tuan's brother-in-law
5	Đậu Minh Lâm/ Dau Minh Lam		Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT/ Independent member of the BOD cum Chairman of the Audit Committee					840.000	0,09%	
5.01	Trương Thị Luận/ Truong Thi Luan							0	0,00%	
5.02	Phan Thị Thanh Thùy/ Phan Thi Thanh Thuy							0	0,00%	
5.03	Đậu Phan Bào/ Dau Phan Bao							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.04	Đậu Minh Trà/ Dau Minh Tra							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card
5.05	Phan Đình Nhiệm/ Phan Dinh Nhiem							0	0,00%	
5.06	Dương Thị Thơ/ Duong Thi Tho							0	0,00%	
5.07	Đậu Minh Loan/ Dau Minh Loan							0	0,00%	
5.08	Hoàng Đức Long/ Hoang Duc Long							0	0,00%	
5.09	Đậu Minh Lương/ Dau Minh Luong							0	0,00%	
5.10	Công ty TNHH ICAPITAL/ ICAPITAL Co., Ltd			0109602644	20/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tầng 10, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 10 th floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh	0	0,00%	Ông Đậu Minh Lâm là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH ICAPITAL/ Mr. Dau Minh Lam is Vice Chairman of the Members' Council of

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
							Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam			ICAPITAL Co., Ltd.
6	Nguyễn Hoàng Long/ Nguyen Hoang Long		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director					242.550	0,027%	
6.01	Phan Văn Cầu/ Phan Van Cau							0	0,00%	
6.02	Nguyễn Thị Thu Hiền/ Nguyen Thi Thu Hien							0	0,00%	
6.03	Phan Thị Vân Anh/ Phan Thi Van Anh							0	0,00%	
6.04	Nguyễn Khánh Chi/ Nguyen Khanh Chi							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
6.05	Nguyễn Nam Phong/ Nguyen Nam Phong							0	0,00%	Số định danh cá nhân - Còn nhỏ chưa có CCCD/ Personal identification number - Not old enough to have a Citizen Identification Card

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6.06	Nguyễn Thị Hà/ <i>Nguyen Thi Ha</i>							0	0,00%	
6.07	Nguyễn Thị Thúy Hoa/ <i>Nguyen Thi Thuy Hoa</i>							0	0,00%	
6.08	Phạm Huy Toàn/ <i>Pham Huy Toan</i>							0	0,00%	
6.09	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ <i>GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long là Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Mr. Nguyen Hoang Long is the Vice Chairman of the BOD</i>
6.10	Công ty TNHH Đầu tư BEL Capital/ <i>BEL Capital Invest Co., Ltd.</i>			0109453569	12/11/2020	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	52 Đường 3.8, KĐT Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội/ <i>No. 52, 3.8 Street, Gamuda Gardens Urban Area, Hoang Mai Ward, Hanoi</i>	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đồng thời là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty/ <i>Mr. Nguyen Hoang Long is the 100%</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										owner of the charter capital and concurrently serves as the Chairman and Director of BEL Capital Invest Co., Ltd.
6.11	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1/ Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.			2301226759	04/07/2023	Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN4-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong và xã Tam Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Plot CN4-2, Yen Phong II-C Industrial Park, Yen Phong Commune and Tam Giang Commune, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Thành viên HĐTV kể từ ngày 15/09/2025/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer a member of the Members' Council from 15/09/2025
6.12	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.			2301232248	26/09/2024	Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN1-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot CN1-2, Yen Phong Industrial Park (expansion area), Yen Trung Commune, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Thành viên HĐTV kể từ ngày 15/09/2025/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer a member of the Members' Council from 15/09/2025
6.13	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng Yên)/			0901129979	17/01/2024	Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên/ Department of Planning and	Lô CN1, KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ Lot CN1, Yen My	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Thành viên HĐTV kể từ ngày

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.					Investment of Hung Yen Province	Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province			15/09/2025/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer a member of the Members' Council from 15/09/2025
6.14	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Quảng Ninh)/ Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.			5702131443	30/09/2024	Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ninh/ Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province	Lô CN1, KCN Đông Mai, phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Ninh Province, Vietnam	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Thành viên HĐTV kể từ ngày 15/09/2025/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer a member of the Members' Council from 15/09/2025
6.15	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.			2301312486	11/12/2024	Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN4-1, Khu Công Nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh/ Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo Ward and Ninh Xa Ward, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Thành viên HĐTV kể từ ngày 15/09/2025/ Mr. Nguyen Hoang Long is no longer a member of the Members' Council from 15/09/2025
6.16	Công ty TNHH FIH (Vietnam) FIH/ (Vietnam) Co., Ltd.			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Department of Finance of Ho Chi Minh City	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Saigon	0	0,00%	Ông Nguyễn Hoàng Long là Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH FIH

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
							Ward, Ho Chi Minh City			(Vietnam)/ Mr. Nguyen Hoang Long is the General Director and Chairman of the Members' Council of FIH (Vietnam) Co., Ltd.
7	Nguyễn Trọng Trung/ Nguyen Trong Trung		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director					0	0,00%	
7.01	Nguyễn Trọng Thiệp/ Nguyen Trong Thiep							0	0,00%	
7.02	Hà Thị Thúy/ Ha Thi Thuy							0	0,00%	
7.03	Hà Thị Hạnh/ Ha Thi Hanh							0	0,00%	
7.04	Nguyễn Trọng Toàn/ Nguyen Trong Toan							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
7.05	Nguyễn Hà Lam Phuong/							0	0.00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Nguyen Ha Lam Phuong									Citizen Identification Card
7.06	Nguyễn Hà Lam Anh/ Nguyen Ha Lam Anh							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
7.07	Nguyễn Trọng Thắng/ Nguyen Trong Thang							183.758	0,02%	
7.08	Phạm Thị Hải Anh/ Pham Thi Hai Anh							0	0,00%	
7.09	Nguyễn Thị Thùy/ Nguyen Thi Thuy							0	0,00%	
7.10	Phùng Xuân Viện/ Phung Xuan Vien							0	0,00%	
7.11	Hà Tiến Lập/ Ha Tien Lap							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.12	Nguyễn Thị Ninh/ Nguyen Thi Ninh							0	0,00%	
7.13	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC.	003C210666 072C003888 036C668888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133		0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD, General Director of GELEX Electricity JSC.
7.14	Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.			0108453005	27/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD of EMIC Electrical Measuring Instrument JSC.
7.15	Công ty cổ phần Thiết bị công nghiệp GEIC/ GEIC Industry Equipment JSC.			0108166233	02/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung không còn là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Thiết bị công nghiệp GEIC (tên cũ là Công ty cổ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										phần Công nghệ 1080) kể từ ngày 01/10/2025/ Mr. Nguyen Trong Trung is no longer a Member of the BOD cum General Director of GEIC Industry Equipment JSC. (Formerly known as 1080 Technology JSC.) from 01/10/2025
7.16	Công ty TNHH Gelex Technology/ Gelex Technology Company Ltd.			0111088088	11/11/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ 23 Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Gelex Technology / Mr. Nguyen Trong Trung is Chairman of the Members' Council of Gelex Technology Company Ltd
7.17	Công ty cổ phần Viễn thông FPT/ FPT Telecom JSC.			0101778163	19/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội/ 2 nd floor, FPT Cau Giay Building, No. 17 Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi City	0	0,00%	Ông Nguyễn Trọng Trung là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông FPT kể từ ngày 24/12/2025/ Mr. Nguyen Trong Trung is a member of BOD of FPT Telecom JSC. from 24/12/2025

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8	Lê Việt Hà/ Le Viet Ha		Người phụ trách quản trị công ty/ Corporate Governance Officer (**)					110.250	0,012%	(**) Bà Lê Việt Hà không còn là Người phụ trách quản trị công ty từ ngày 14/11/2025/ Ms. Le Viet Ha is no longer the Corporate Governance Officer from 14/11/2025
8.01	Trần Quang Hung/ Tran Quang Hung							0	0,00%	
8.02	Lê Bích Ngọc/ Le Bich Ngoc							0	0,00%	
8.03	Lê Thu Hằng/ Le Thu Hang							0	0,00%	
8.04	Phạm Toàn Thắng/ Pham Toan Thang							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.05	Phạm Thị Mùi/ <i>Pham Thi Mui</i>							0	0,00%	
8.06	Phan Ngọc Anh/ <i>Phan Ngoc Anh</i>							0	0,00%	
8.07	Phan Lê Anh Khôi/ <i>Phan Le Anh Khoi</i>							0	0,00%	Còn nhò chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
8.08	Phan Lê An Nhiên/ <i>Phan Le An Nhen</i>							0	0,00%	Còn nhò chưa có CCCD/ <i>Not old enough to have a Citizen Identification Card</i>
8.09	Phan Văn Mỹ/ <i>Phan Van My</i>							0	0,00%	
8.10	Trần Thị Phú/ <i>Tran Thi Phu</i>							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9	Nguyễn Thị Phuong/ Nguyen Thi Phuong		Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (**)					144.680	0,016%	(**) Bà Nguyễn Thị Phuong không còn là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ ngày 07/07/2025/ Ms. Nguyen Thi Phuong is no longer the Authorized Information Disclosure Officer from 07/07/2025
9.01	Đặng Hồng Khánh/ Dang Hong Khanh							4.200	0,0005%	
9.02	Đặng Nguyễn Phuong Trang/ Dang Nguyen Phuong Trang							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
9.03	Nguyễn Văn Lợi/ Nguyen Van Loi							0	0,00%	Đã mất/ Passed away
9.04	Phạm Thị Nhuận/ Pham Thi Nhuân							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.05	Nguyễn Thị Lương/ Nguyen Thi Luong							0	0,00%	
9.06	Phạm Văn Đông/ Pham Van Dong							0	0,00%	
9.07	Nguyễn Thị Lụa/ Nguyen Thi Lua							0	0,00%	
9.08	Trần Khắc Hiên/ Tran Khac Hien							0	0,00%	
9.09	Nguyễn Thị Lê/ Nguyen Thi Le							0	0,00%	
9.10	Lê Trọng Thùy/ Le Trong Thuy							0	0,00%	
9.11	Nguyễn Thị Lân/ Nguyen Thi Lan							0	0,00%	
9.12	Vũ Văn Hoàn/ Vu Van Hoan							0	0,00%	
9.13	Nguyễn Thị Cúc/ Nguyen Thi Cuc							0	0,00%	
9.14	Marcin Marcinczyk							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.15	Nguyễn Thành Luân/ Nguyen Thanh Luan							0	0,00%	
9.16	Đặng Văn Hiển/ Dang Van Hien							0	0,00%	
9.17	Phan Thị Mai Hồng/ Phan Thi Mai Hong							0	0,00%	
9.18	Phạm Thị Thảo/ Pham Thi Thao							0	0,00%	
10	Hoàng Hưng/ Hoang Hung		Kế toán trưởng/ Chief Accountant					56.000	0,006%	
10.01	Hoàng Thế Thịnh/ Hoang The Thinh							0	0,00%	
10.02	Phạm Thị Ngân/ Pham Thi Ngan							0	0,00%	
10.03	Hoàng Hải/ Hoang Hai							0	0,00%	
10.04	Phi Ngọc Cầm/ Phi Ngoc Cam							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.05	Hoàng Minh Thành/ Hoang Minh Thanh							0	0,00%	
10.06	Hoàng Nhật Minh/ Hoang Nhat Minh							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
11	Bùi Đăng Khoa/ Bui Dang Khoa		Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/ Director of the Finance and Accounting Department					110.260	0,012%	
11.01	Bùi Hồng Khanh/ Bui Hong Khanh							0	0,00%	
11.02	Phạm Thị Lợi/ Pham Thi Loi							0	0,00%	
11.03	Đoàn Thị Hoài Thu/ Doan Thi Hoai Thu							8.505	0,00%	
11.04	Bùi Doãn Bảo Phong/ Bui Doan Bao Phong							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.05	Bùi Doãn Hoàng Bách/ Bui Doan Hoang Bach							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
11.06	Bùi Ngọc Nghị/ Bui Ngoc Nghi							0	0,00%	
11.07	Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex/ Mr. Bui Dang Khoa is CFO of GELEX Infrastructure JSC.
11.08	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Song Da Water Investment JSC.	0001220014 (VN Direct) 021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Phu Tho Provincial Department of Finance	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the BOD of Song Da

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										Water Investment JSC.
11.09	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromech anical Manufacturi ng JSC.	072C066888		0100100456	06/05/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Hà Nội/ Km12 Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the BOD of Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC.
11.10	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.			3603058326	28/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 1, Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council of CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.
11.11	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ GELEX Investment Co., Ltd.			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8 th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ Mr. Bui Dang Khoa is General Director of GELEX Investment Co., Ltd.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.12	Công ty TNHH G&F Residence/ G&F Residence Co., Ltd			0319127272	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Ông Bùi Đăng Khoa là Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ Mr. Bui Dang Khoa is Chairman of the Members' Council cum General Director of G&F Residence Co., Ltd.
12	Lê Tuấn Anh/ Le Tuan Anh		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director Người được ủy quyền Công bố thông tin/ Authorized Information Disclosure Officer (**)					286.650	0,032%	(**) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm là Người được ủy quyền Công bố thông tin từ 07/07/2025/ Mr. Le Tuan Anh is appointed to be the Authorized Information Disclosure Officer from 07/07/2025
12.01	Đỗ Ngọc Hà Trang/ Do Ngoc Ha Trang							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.02	Lê Mạnh Quân/ Le Manh Quan							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
12.03	Lê Đình Thương/ Le Dinh Thuong							0	0,00%	
12.04	Nguyễn Thị Tâm/ Nguyen Thi Tam							0	0,00%	
12.05	Đỗ Đức Hiếu/ Do Duc Hieu							0	0,00%	
12.06	Nguyễn Thị Ngọc/ Nguyen Thi Ngoc							0	0,00%	
12.07	Lê Minh Đông/ Le Minh Dong							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card
12.08	Lê Minh Kiên/ Le Minh Kien							0	0,00%	Còn nhỏ chưa có CCCD/ Not old enough to have a Citizen Identification Card

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.09	Đỗ Hiếu Minh/ Do Hieu Minh							0	0,00%	
12.10	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ Mr. Le Tuan Anh is the Chairman of the BOD of GELEX Infrastructure JSC.
12.11	Công ty TNHH Titan Corporation/ Titan Corporation Ltd.			0317503404	20/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH Titan Corporation/ Mr. Le Tuan Anh is a member of the Members' Council of Titan Corporation Ltd.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.12	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1/ Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.			2301226759	04/07/2023	Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN4-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong và xã Tam Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Plot CN4-2, Yen Phong II-C Industrial Park, Yen Phong Commune and Tam Giang Commune, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh không còn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 từ ngày 15/09/2025/ Mr. Le Tuan Anh is no longer a member of the Members' Council of Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd. from 15/09/2025
12.13	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.			2301232248	26/09/2024	Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN1-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Lot CN1-2, Yen Phong Industrial Park (expansion area), Yen Trung Commune, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh không còn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh) từ ngày 15/09/2025/ Mr. Le Tuan Anh is no longer a member of the Members' Council of Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd. from 15/09/2025
12.14	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng)			0901129979	17/01/2024	Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên/ Department of Planning and	Lô CN1, KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ Lot CN1, Yen My	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh không còn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Công

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Yên)/ Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.					Investment of Hung Yen Province	Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province			Nghiệp Titan (Hung Yên) từ ngày 15/09/2025/ Mr. Le Tuan Anh is no longer a member of the Members' Council of Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd. from 15/09/2025
12.15	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Quảng Ninh)/ Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.			5702131443	30/09/2024	Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Ninh/ Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province	Lô CN1, KCN Đông Mai, phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Ninh Province, Vietnam	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh không còn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Quảng Ninh) từ ngày 15/09/2025/ Mr. Le Tuan Anh is no longer a member of the Members' Council of Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd. from 15/09/2025
12.16	Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD/ S.A.S.- CTAMAD Co., Ltd.			0100112324	26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Ministry of Planning and Investment	Số 44B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD/ Mr. Le Tuan Anh is a member of the Members' Council of S.A.S.-CTAMAD Co., Ltd.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.17	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.			2301312486	11/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Lô đất CN4-1, Khu Công Nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh/ Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo Ward and Ninh Xa Ward, Bac Ninh Province	0	0,00%	Ông Lê Tuấn Anh không còn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ Mr. Le Tuan Anh is no longer a member of the Members' Council of Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.
12.18	Công ty TNHH Felicitas/ Felicitas Co., Ltd.			0111192360	25/08/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 23th Floor, GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam			Ông Lê Tuấn Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Felicitas/ Mr. Le Tuan Anh is Chairman of the Members' Council of Felicitas Co., Ltd.
13.	Nguyễn Thị Minh Giang/ Nguyen Thi Minh Giang		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BOD					0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Minh Giang được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27/03/2025/ Ms. Nguyen Thi Minh Giang is appointed to be Independent member of the

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										BOD from 27/03/2025
13.01	Nguyễn Minh Tiết/ <i>Nguyen Minh Tiet</i>							0	0,00%	
13.02	Đinh Thị Ngọc Hà/ <i>Dinh Thi Ngoc Ha</i>							0	0,00%	
13.03	Vũ Minh Quân/ <i>Vu Minh Quan</i>							0	0,00%	
13.04	Vũ Minh Thư/ <i>Vu Minh Thu</i>							0	0,00%	
13.05	Nguyễn Minh Nam/ <i>Nguyen Minh Nam</i>							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13.06	H Kim Dung Kbuor/ H Kim Dung Kbuor							0	0,00%	
13.07	Công ty TNHH Newing/ Newing Company Ltd.			0317505627	17/04/2023	Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	TS2.11.02, Tầng 11, Khu TS2, Tòa nhà The Tresor, 39- 39B Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiều, Thành phố Hồ Chí Minh/ TS2.11.02, 11th Floor, TS2 Area, The Tresor Building, 39-39B Ben Van Don Street, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Minh Giang là Tổng Giám đốc, đồng sáng lập, và sở hữu 70% phần vốn góp của Công ty TNHH Newing/ Ms. Nguyen Thi Minh Giang is the General Director, Co-founder, and holds 70% of the charter capital of Newing Company Ltd.
13.08	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Filmore/ Filmore Real Estate Development			0312169442	01/03/2013	Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	357-359 An Dương Vương, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh/ 357-359 An Duong Vuong, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Minh Giang là Thành viên HĐQT độc lập của Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Filmore từ ngày 08/07/2025/ Ms. Nguyen Thi Minh Giang is a member of the BOD of Filmore Real Estate

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
										Development from 08/07/2025
14.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền/ Nguyen Thi Ngoc Huyen		Người phụ trách quản trị công ty/ Corporate Governance Officer (**)					0	0,00%	(**) Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền được bổ nhiệm là Người phụ trách quản trị công ty từ 14/11/2025/ Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is appointed to be the Corporate Governance Officer from 14/11/2025
14.01	Nguyễn Xuân Hiệp/ Nguyen Xuan Hiep							0	0,00%	
14.02	Nguyễn Thị Ngọc Hương/ Nguyen Thi Ngoc Huong							0	0,00%	
14.03	Nguyễn Xuân Huy/ Nguyen Xuan Huy							0	0,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
14.04	Lê Thúy An/ Le Thuy An							0	0,00%	
14.05	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ GELEX Infrastructure JSC.	033CC66588 021C251349 072C055555 003C652657 077C096368 105C014887 022C568899 081C652657 091C385385 002C652657 079C652657 116C009955 057C652657 007C110688 058C968688 069C853333 001C022222		0107652657	28/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	GELEX Tower, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền là Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX/ Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is a members of the Supervisory Board of GELEX Infrastructure JSC.
14.06	Công ty Cổ phần Thiết bị điện/ Electrical Equipment JSC.	005C222279 072C001210 021C253826		3600253826	04/01/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ Department of Planning and Investment of Dong Nai Province	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 9, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province	0	0,00%	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thiết bị điện / Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen is Head of the Electrical Equipment JSC.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
15.	Công đoàn CTCP Tập đoàn GELEX/ Trade Union of GELEX Group JSC.	072C003546		39/QĐ-CL	03/02/1997	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam / Vietnam General Conferderation of Labor	Số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	1.288.229	0,14%	Công đoàn/ Trade Union

(*) Đối với các trường hợp không còn là người nội bộ/người liên quan của người nội bộ, số liệu nêu bên trên được ghi nhận đến trước thời điểm không còn là người nội bộ/người liên quan của người nội bộ/ For cases where individuals are no longer internal person/ internal persons' affiliated persons, the data mentioned above is recorded up to the time they ceased to be an internal person/ internal persons' affiliated persons.